

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG 3



FORIPHARM

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203000632 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/12/2003; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/11/2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm)



FORIPHARM

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3

Địa chỉ: Số 16, đường Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (84-31) 3842 576 Fax: (84-31) 3823 125

Website : www.duocphamtw3.com

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Bùi Xuân Hương Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84-31) 3842 576 Fax: (84-31) 3823 125

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200572501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/12/2003; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/11/2014)

Địa chỉ: Số 16, đường Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: (84-31) 3842 218 Fax: (84-31) 3823 125
Email: foripharm@hn.vnn.vn
Website : www.duocphamtw3.com

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ	52.500.000.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký niêm yết	52.500.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký niêm yết	52.500.000.000 đồng (theo mệnh giá)

Tổ chức tư vấn**Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4). 3726 2600 Fax: (84-4). 3726 2601
Website : www.mbs.com.vn

**Tổ chức kiểm toán****Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà số 165 Cầu Giấy, Tp Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6 2670491 Fax: (84-4) 6 2670494
Website : www.vae.com.vn



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về Cơ chế chính sách và pháp luật.....	10
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	11
5. Rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức niêm yết	12
2. Tổ chức tư vấn	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	20
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2014	25
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đăng nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	26
6. Hoạt động kinh doanh.....	27
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	39
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	40
9. Chính sách đối với người lao động	42
10. Chính sách cổ tức.....	44
11. Tình hình hoạt động tài chính	45
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	53
13. Tài sản.....	64
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức	66
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	67
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	67
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	67
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	68
1. Loại chứng khoán	68
2. Mệnh giá	68
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	68
4. Tổng giá trị chứng khoán niêm yết	68

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết.....	68
6. Phương pháp tính giá.....	69
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	70
8. Các loại thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	70
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	72
VII. PHỤ LỤC.....	73

BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.....	25
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 15/01/2015	25
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông đến ngày 15/01/2015.....	26
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty.....	29
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty	29
Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần.....	31
Bảng 7: Danh sách Giấy chứng nhận nhãn hiệu của Công ty.....	35
Bảng 8: Danh sách một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc ký kết.....	38
Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	39
Bảng 10: Tình hình lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2014.....	42
Bảng 11: Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình	45
Bảng 12: Mức lương bình quân.....	45
Bảng 13: Các khoản phải nộp theo luật định	45
Bảng 14: Trích lập các quỹ theo luật định	46
Bảng 15: Các khoản phải thu	46
Bảng 16: Chi tiết chỉ tiêu Trả trước cho người bán	47
Bảng 17: Chi tiết chỉ tiêu Phải thu khách hàng.....	47
Bảng 18: Chi tiết chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.....	47
Bảng 19: Các khoản phải trả.....	48
Bảng 20: Chi tiết phải trả người bán.....	48
Bảng 21: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014.....	49
Bảng 22: Hàng tồn kho	50
Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	52
Bảng 24: Danh sách HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng.....	53
Bảng 25: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2013	64
Bảng 26: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2014	64
Bảng 27: Chi tiết khoản mục xây dựng cơ bản dở dang.....	65
Bảng 28: Tình hình đất đai thuộc quyền sở hữu, sử dụng tại ngày 31/12/2014.....	65
Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015	66
Bảng 30: Căn cứ để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015.....	66

HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm	7
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm.....	9
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty	19
Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Công ty	20

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.

1. Rủi ro về kinh tế

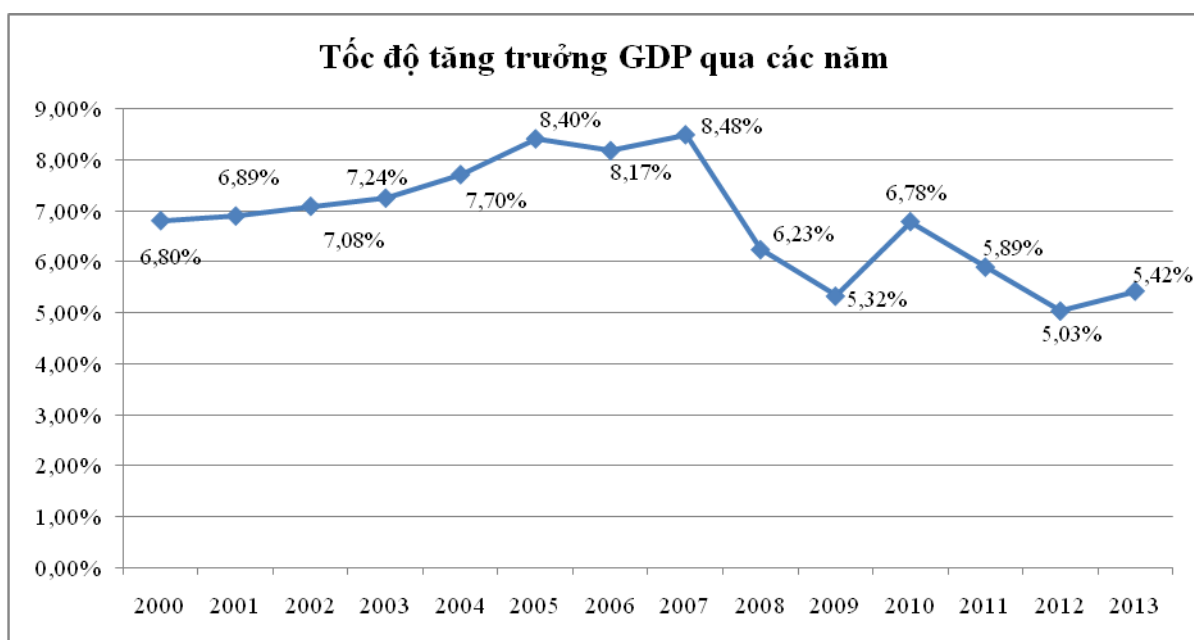
Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình giai đoạn 2004-2007 đạt 8,16%, phản ánh những bước tiến vững chắc, đúng hướng của Việt Nam cũng như phần nào cho thấy tiềm năng phát triển của Việt Nam trong những năm tới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Năm 2008 chứng kiến nền kinh tế toàn cầu bị suy thoái nặng nề, khiến cho nền kinh tế Việt Nam cũng phải chịu những ảnh hưởng đáng kể: thâm hụt thương mại ở mức kỷ lục, thất nghiệp gia tăng, thị trường chứng khoán suy giảm mạnh và sự đóng băng của thị trường bất động sản. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chỉ đạt 6,23%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: GSO, MBS tổng hợp

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,23% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,00%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công. Tuy nhiên, tình hình kinh tế đến nay vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, bao gồm những hạn chế về cân đối vĩ mô chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao; nhập siêu lớn cùng với sự suy giảm của dòng vốn đầu tư nước ngoài và những ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối...

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu đặc biệt với những cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, thì nền kinh tế Việt Nam cũng đã có những diễn biến phức tạp. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 vẫn đạt con số 5,03%,

Bước sang năm 2013, tăng trưởng GDP cả nước đạt mức 5,42% với các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn. Kết thúc năm 2014, theo số liệu được Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP cả nước tiếp tục diễn biến theo hướng tích cực khi tăng 5,98% so với năm 2013. Con số này cao hơn so với mục tiêu mà Chính phủ đặt ra đầu năm (từ 5,8%) và cao hơn mức tăng của hai năm trước đó.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nói riêng.

Nắm bắt được chủ trương chính sách của Chính phủ và xu thế hồi phục của nền kinh tế, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã đưa ra chiến lược kinh doanh riêng biệt, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

Xét về tổng thể của nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng hay suy giảm của ngành dược phụ thuộc vào sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân. Khi nền kinh tế tăng trưởng cao sẽ tác động tích cực đến đời sống kinh tế xã hội của người dân, đời sống được nâng cao thì nhu cầu y tế, chăm sóc sức khỏe tăng cao. Điều này làm tăng doanh thu và lợi nhuận của ngành. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, đời sống và thu nhập của dân cư giảm thì nhu cầu về dược phẩm cũng sẽ giảm, kéo theo sự sụt giảm doanh thu và lợi nhuận của ngành dược nói chung và Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 nói riêng. Tuy nhiên, do dược phẩm thuộc nhóm sản phẩm thiết yếu của người dân nên mức giảm của ngành sẽ thấp hơn mức giảm của nền kinh tế.

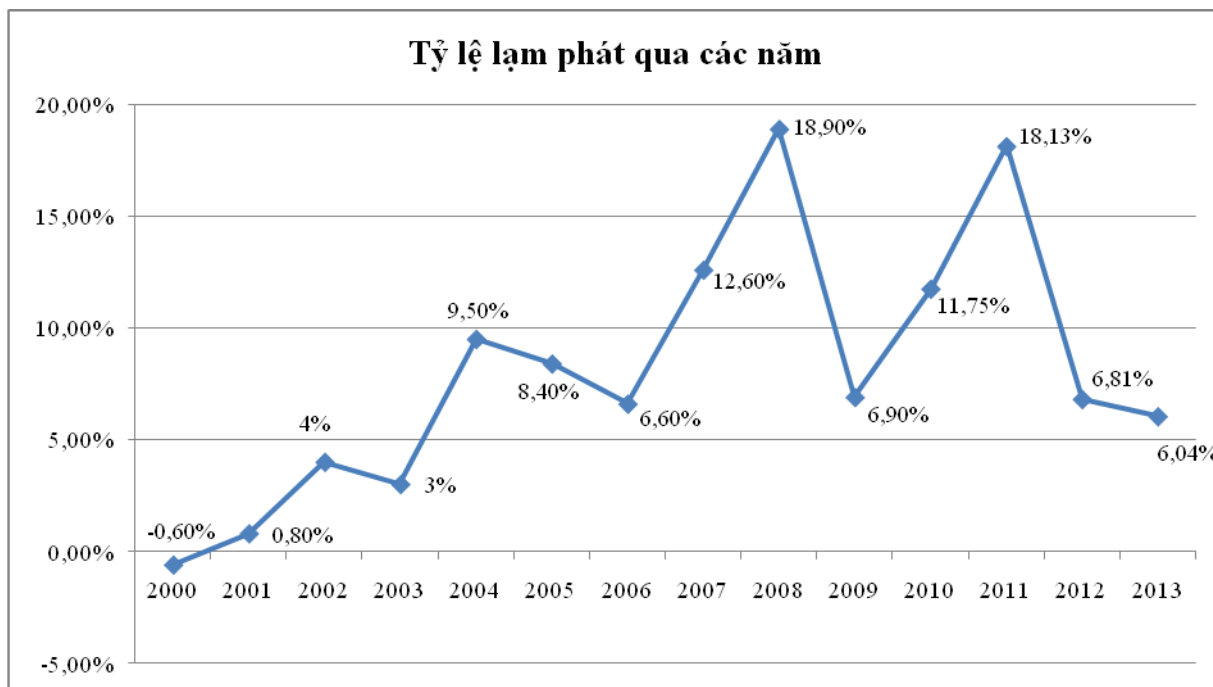
Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 - 2013 cụ thể như sau:

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thời kỳ 1996-2003 được coi là thiếu phát, khi CPI tăng rất thấp. Thời kỳ từ 2004 đến nay là thời kỳ lạm phát cao trở lại, gần như lặp đi lặp lại, cứ 2 năm tăng cao mới có 1 năm tăng thấp hơn. Năm 2004 tăng 9,5%, năm 2005 tăng 8,4%, thì năm 2006 tăng 6,6%. Năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, thì năm 2009 tăng 6,52%. Năm 2010 tăng 11,75%, năm 2011 tăng 18,13%.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: GSO, MBS tổng hợp

Đến năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đạt ra từ đầu năm. Năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, tỷ lệ lạm phát cả năm 2013 tiếp tục được kiểm soát tốt ở mức 6,04%.

Kết thúc năm 2014, tỷ lệ lạm phát cả nước tiếp tục được kiểm soát tối khi chỉ tăng ở mức 1,84% so với năm 2013, đây là mức tăng thấp nhất trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Đó là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

Mặt khác, với chính sách đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào ổn định thông qua hệ thống các nhà cung ứng nguyên vật liệu, ký kết các hợp đồng giữ giá với nhà cung cấp, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 có thể giảm thiểu tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh của mình.

Lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Trái lại với chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện trước đây nhằm đối phó với lạm phát. Ngày 28/10/2014 vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký ban hành Quyết định số 2173/QĐ-NHNN, mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014. Theo đó, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm, còn mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 5,5%/năm. Đây có thể coi là tín hiệu tích cực, tạo cơ hội giảm lãi vay, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng đạt mục tiêu đề ra trong năm 2014, đồng thời hỗ trợ tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng vay và nợ của Công ty là 37,65 tỷ đồng, tương đương với 39,10% vốn chủ sở hữu của Công ty, trong đó, vay và nợ ngắn hạn là 17,33 tỷ đồng, chiếm 46,03% vốn vay, vay và nợ dài hạn là 20,32 tỷ đồng, chiếm 53,97% vốn vay. Nguồn

vốn vay này chủ yếu dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho công ty, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá không có nhiều biến động lớn trong năm 2012 và 2013. Bước sang năm 2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành tỉ giá theo hướng linh hoạt, kết hợp chặt chẽ với chính sách lãi suất, góp phần nâng cao vị thế của VND và giảm dần tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế. Ngay từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đề ra mục tiêu là tiếp tục ổn định tỉ giá với biên độ tăng không quá 2% trong năm 2014 nhằm kiểm soát kỳ vọng về sự mất giá của VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế, do đó những biến động về tỷ giá có thể gây ảnh hưởng tới chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa xuất nhập khẩu cũng như và tình hình lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về Cơ chế chính sách và pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán.

Mặt khác, là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong ngành dược nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Dược cũng như những tác động ảnh hưởng từ các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành của Nhà nước... Luật Dược đã được Quốc hội thông qua, đây là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực dược Việt Nam được hoạt động trong một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ. Ngoài ra, luật cạnh tranh, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ... cũng được Quốc hội thông qua, được kỳ vọng sẽ tạo môi trường đầu tư, kinh doanh, cạnh tranh thông thoáng, minh bạch và bình đẳng cho các doanh nghiệp.

Hiện nay, Luật và các văn bản dưới Luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Tất cả những xu hướng, chính sách này đều ảnh hưởng tới sự phát triển của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay tại thị trường trong nước có khoảng 200 doanh nghiệp sản xuất thuốc, trong đó có nhiều doanh nghiệp nước ngoài hoặc liên doanh, tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ cả về chất lượng, giá cả cũng như mạng lưới phân phối. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của nhiều loại hàng giả, hàng nhái được nhập vào thị trường trong nước qua con đường tiểu ngạch cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dược phẩm.

Mặt khác, lộ trình gia nhập WTO của Việt Nam dự kiến sẽ gỡ bỏ nhiều rào cản thuế quan, tỷ lệ sở hữu ... tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp dược phẩm nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam.

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, ban lãnh đạo đã xây dựng chiến lược kinh doanh riêng biệt, hướng tới nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ mức giá cạnh tranh, đồng thời mở rộng phạm vi phân phối và quảng bá hình ảnh sản phẩm của Công ty trên thị trường.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Việt Nam vẫn chưa phát triển công nghệ hóa dược, do đó hầu hết nguyên vật liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đều phải nhập khẩu. Theo số liệu thống kê của Tổng Cục Hải Quan, Bộ Y Tế và Cục quản lý dược, 90% hóa dược phẩm Việt Nam nhập nguyên liệu sản xuất dược phẩm Việt Nam phải nhập từ nước ngoài (trong đó chủ yếu đến từ Trung Quốc và Ấn Độ). Do đó, mọi biến động về giá cả nguyên vật liệu hoặc tỷ giá có thể ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Với uy tín lâu năm trong ngành, Công ty đã chủ động phối hợp với các nhà phân phối nhằm ổn định giá nguyên vật liệu đầu vào, giảm thiểu rủi ro đối với các bên.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty, tình hình thị trường chứng khoán nói chung... Để giảm thiểu một cách tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, ngay từ giai đoạn chuẩn bị hồ sơ đăng ký niêm yết, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Bùi Xuân Hưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Bà Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư
Ông Dương Ngọc Hải	Chuyên viên Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3. Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức niêm yết:	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.
Công ty kiểm toán:	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 2012, 2013 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3.
Bản cáo bạch:	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
Điều lệ:	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 thông qua.
Vốn điều lệ:	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.
Cổ phần:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu:	Chúng chỉ do Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.
Người có liên quan:	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none">- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;- Công ty mẹ, công ty con;- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- BCTC: Báo cáo tài chính
- BGD: Ban Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Công ty/DP3: Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3
- CP: Cổ phần
- CTCP: Công ty Cổ phần
- TW3: Trung ương 3
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- HĐ: Hợp đồng
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- SGDC: Sở Giao dịch Chứng khoán
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- TCKT: Tài chính kế toán
- TCTD: Tổ chức tín dụng
- TGD: Tổng Giám đốc
- Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TMCP: Thương mại cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ: Tài sản cố định
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND: Ủy ban nhân dân
- XDCC: Xây dựng cơ bản

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**
Tên tiếng anh: **CENTRAL PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY NO3**
Tên viết tắt: **FORIPHARM**
Trụ sở: **Số 16, đường Lê Đại Hành, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng**
Điện thoại: **(84-31) 3842 218**
Fax: **(84-31) 3823 125**
Website: www.duocphamtw3.com

Logo:



Giấy CNĐKKD: số 0200572501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/12/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/11/2014.

Vốn điều đăng ký: 52.500.000.000 (Năm mươi hai tỷ năm trăm triệu) đồng

Vốn điều lệ thực góp: 52.500.000.000 (Năm mươi hai tỷ năm trăm triệu) đồng

Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kiểm nghiệm thuốc;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu (trừ cây có tính gây nghiện);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Chung, cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm), Đại lý thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, tinh dầu, hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế và dụng cụ y tế, bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác, chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. (Chi tiết: Bán lẻ hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp), bán lẻ tinh dầu, máy móc và thiết bị y tế);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. (Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe máy, ô tô);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê nhà kho, văn phòng làm việc);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng).

Công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và đã được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng kể từ ngày 31/12/2007.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 3 trực thuộc Bộ Y tế, được thành lập từ năm 1962 với chức năng chuyên sản xuất thuốc Đông dược. Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, tháng 11/2003, Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 3 chuyển thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Foripharm. Tháng 09/2006, Công ty đổi thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.



Với truyền thống hơn 50 năm sản xuất thuốc, đặc biệt là thuốc Đông dược, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 là một trong những đơn vị đầu ngành trong cả nước với những sản phẩm thuốc được bào chế từ các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên, là sự kết hợp giữa nền y học cổ truyền dân tộc với công nghệ khoa học hiện đại. Với đội ngũ cán bộ đại học, sau đại học dày dặn kinh nghiệm, lực lượng công nhân Dược lành nghề đã được đào tạo cơ bản về sản xuất thuốc Đông dược tại Trung Quốc, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã và đang sản xuất hơn 100 loại thuốc đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu như: thuốc viên nén, viên nang, viên bao, thuốc hoàn cứng, hoàn mềm, cao xoa, thuốc nước,...

Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã cam kết theo đuổi mục tiêu chất lượng. Vì vậy, những năm qua, nhiều sản phẩm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 được tặng Huy chương vàng, huy chương bạc tại nhiều Hội chợ trong nước và Quốc tế; nhiều năm được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức. Với những thành tích đã đạt được, Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã được nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3, Huân chương lao động hạng 2.

Thương hiệu Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 với hơn 50 năm hoạt động đã đi sâu vào tiềm thức và giành được niềm tin của người tiêu dùng với nhiều sản phẩm Đông dược nổi tiếng trong và ngoài nước như Cao Sao Vàng, hoàn Bồ Thận Âm, hoàn Bồ Thận Dương, hoàn Sâm Nhung, hoàn Hà Xa Đại Tạo, hoàn Lục Vị, hoàn Quy Tỳ, hoàn Thập Toàn Đại Bổ, Hoạt Huyết Dưỡng Não, Sâm Nhung Bồ Thận TW3, Phong Tê Thấp, Kimraso, Nhuận Gan Lợi Mật...

Để sản xuất ngày càng phục vụ tốt hơn cho sức khỏe người dân và có sức cạnh tranh cao tiến tới hội nhập khu vực và quốc tế, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã thực hiện dự án đầu tư giai đoạn 1 vào năm 2007 với kinh phí hơn 30 tỷ đồng bao gồm xây dựng, lắp đặt thiết bị 2 dây chuyền sản xuất thuốc viên, thuốc nước đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, phòng Kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn GLP, kho bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn GSP cùng cảnh quan, môi trường toàn bộ khu vực sản xuất ở địa điểm mới tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng. Giai đoạn 2 vào năm 2013 với mức kinh phí đầu tư lên tới 51 tỷ đồng.



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 luôn nỗ lực phấn đấu đảm bảo chất lượng sản phẩm cao nhất để xứng đáng sự tin cậy của người sử dụng. Đồng thời, Công ty định hướng sẽ trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm, góp phần xây dựng nền kinh tế đất nước trong tương lai.

1.3. Các giải thưởng đạt được

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã khẳng định được vị thế và uy tín trên thị trường nội địa cũng như quốc tế. Với sự nỗ lực không ngừng, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 đã đạt được nhiều giải thưởng cao quý.

Năm	Các giải thưởng lớn
Năm 1992	Được Nhà nước tặng thưởng Huy chương lao động hạng 3
Năm 2002	Được Nhà nước tặng thưởng Huy chương lao động hạng 2

1.4. Quá trình tăng vốn

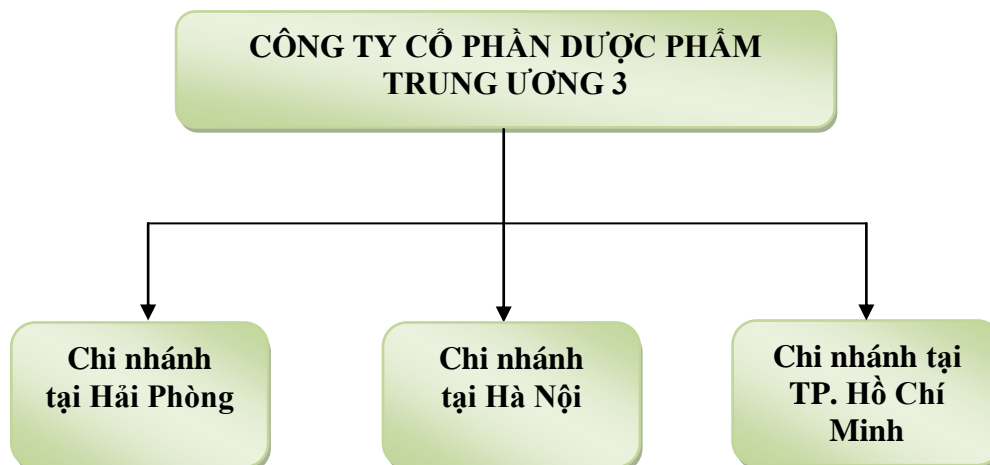
Vốn điều lệ khi bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần là 7,5 tỷ đồng, tương đương với 75.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần). Kể từ khi thành lập, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3 đã trải qua 04 lần tăng vốn. Cụ thể:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Ban đầu			7.500.000.000		Giấy chứng nhận ĐKKD cấp lần đầu ngày 01/12/2003
Lần 1	18/04/2007	7.500.000.000	15.000.000.000	Phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ	NQ ĐHĐCĐ ngày 05/04/2006; Danh sách cổ đông trước và sau khi phát hành; Giấy chứng nhận ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/04/2007.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 2	16/10/2007	10.000.000.000	25.000.000.000	Phát hành ra công chúng	NQ ĐHĐCĐ ngày 30/03/2007; GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 153/UBCK-GCN ngày 24/08/2007 của UBCKNN; Danh sách cổ đông trước và sau khi phát hành; Giấy chứng nhận ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/12/2007.
Lần 3	15/03/2010	10.000.000.000	35.000.000.000	Phát hành ra công chúng	NQ ĐHĐCĐ số 001/2009 NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2009; GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 490/UBCK-GCN ngày 12/01/2010 của UBCKNN; Báo cáo kết quả phát hành ngày 25/03/2010; Danh sách cổ đông trước và sau khi phát hành; Giấy chứng nhận ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/04/2010.
Lần 4	31/12/2013	17.500.000.000	52.500.000.000	Phát hành ra công chúng	NQ ĐHĐCĐ số 140/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2013; GCN đăng ký chào bán cổ phiếu số 65/UBCK-GCN ngày 26/11/2013 của UBCKNN; Báo cáo kết quả phát hành số 650/HĐQT ngày 31/12/2013; Danh sách cổ đông trước và sau khi phát hành; Giấy chứng nhận ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 22/01/2014.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ Trụ sở Công ty

- Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3842576 Fax: 031.3823125

❖ Chi nhánh tại Hải Phòng

- Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3823026 Fax

❖ Chi nhánh tại TP.Hà Nội

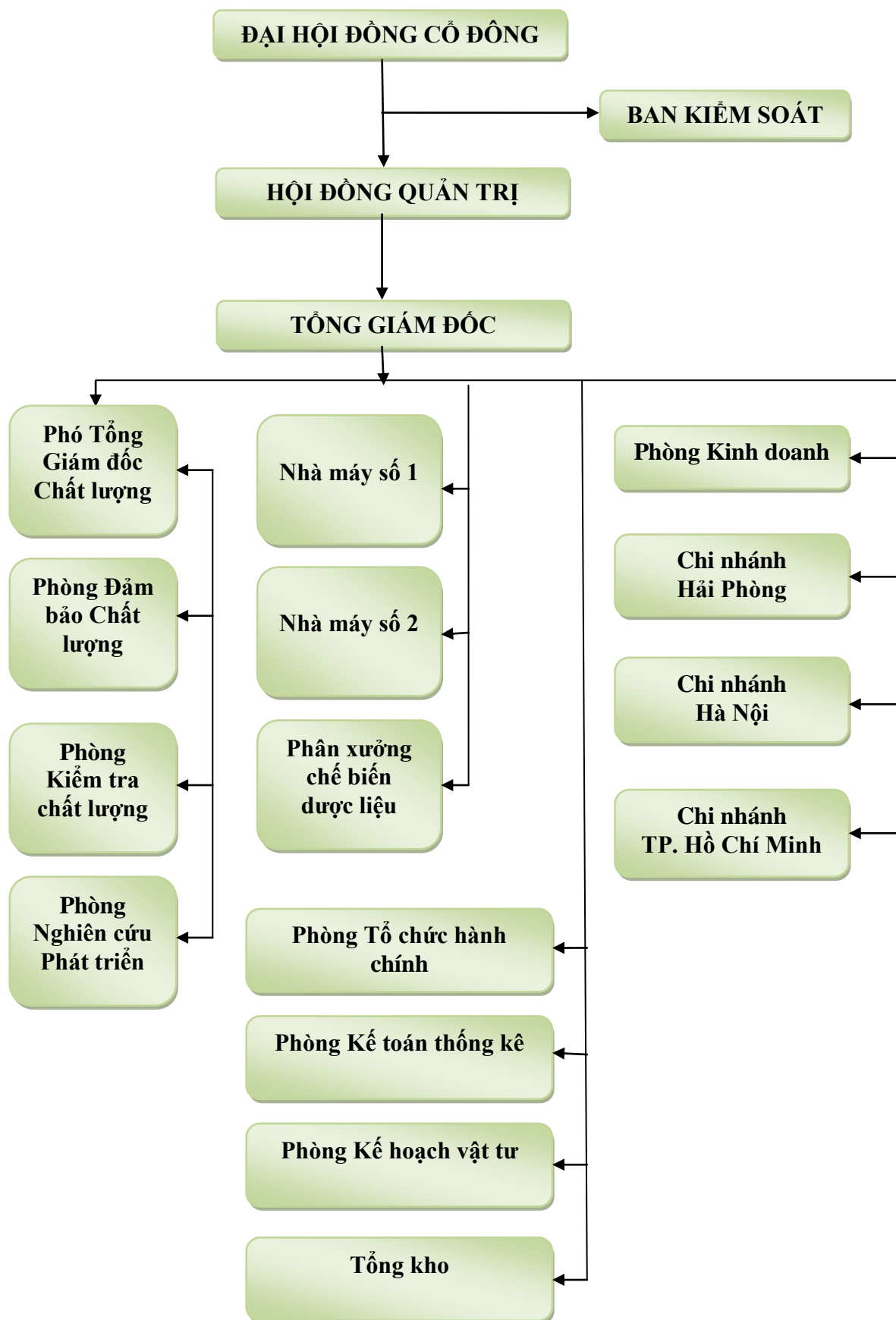
- Địa chỉ: 358 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - TP. Hà Nội.
- Điện thoại: 043.8646830 Fax: 043.6658605

❖ Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 42/74 Nguyễn Giản Thanh - P.15 - Q.10 - TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0839708637 Fax:0839708636

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Hiện tại, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT Công ty gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.

❖ **Ban kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Ban Giám đốc gồm có Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ ban Tổng giám đốc là 05 năm. Tổng giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng**

▪ **Phòng tổ chức hành chính**

- Xây dựng chức năng nhiệm vụ của các bộ phận;
- Xây dựng kế hoạch lao động tiền lương, quản lý lao động và định mức lao động;
- Triển khai và tổ chức thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động;
- Quản lý hành chính quản trị công ty: Lưu trữ công văn giấy tờ, quản lý con dấu, nhận chuyển công văn đến, đi, giao tiếp khách, quản lý vật rẻ tiền mau hỏng của khối văn phòng;
- Công tác y tế cơ quan: quản lý hồ sơ sức khỏe và theo dõi tình trạng sức khỏe của cán bộ công nhân viên, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bệnh nghề nghiệp (nếu có) cho người lao động;
- Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh môi trường ngoài khu vực sản xuất;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ an ninh quốc phòng;
- Soạn thảo các quy trình liên quan đến nhân sự (đào tạo, tuyển dụng...);
- Lưu trữ hồ sơ đào tạo cá nhân.

▪ **Phòng đảm bảo chất lượng**

- Tham mưu cho giám đốc về công tác đảm bảo chất lượng của công ty;
- Soạn thảo và ban hành các chiến lược về chính sách chất lượng, truyền đạt các chính sách tới từng bộ phận, đảm bảo chính sách này được thực thi;
- Kiểm tra, điều tra, ra quyết định xử lý các sự cố kỹ thuật có liên quan đến chất lượng sản phẩm;
- Quản lý và kiểm tra tất cả các hồ sơ liên quan chất lượng sản phẩm của Công ty, các quy chế ngành và các văn bản hướng dẫn khác;
- Xây dựng và chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới kiểm soát viên ở các dây chuyền sản xuất (IPC): lấy mẫu và kiểm tra chất lượng sản phẩm trung gian, sản phẩm chờ đóng gói trong quá trình sản xuất. Lấy mẫu bán thành phẩm chuyển về phòng Kiểm tra chất lượng để kiểm tra các chỉ tiêu định lượng của sản phẩm;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại về GMP, GLP, GSP và tổ chức huấn luyện đào tạo, tham gia công tác thi nâng bậc định kỳ hàng năm;
- Tham gia công tác huấn luyện về an toàn lao động và sử dụng thiết bị máy móc cho nhân viên được phân công mới và đào tạo lại cho nhân viên;
- Xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động và triển khai thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCC;
- Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị, hệ thống phụ trợ (bao gồm: hệ thống điện, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống cấp-thoát-xử lý nước, hệ thống khí nén, hệ thống PCCC) trong công ty về tình trạng kỹ thuật hiện tại cũng như hồ sơ tài liệu liên quan đến các thiết bị máy móc và hệ thống đó;
- Lập hồ sơ thẩm định lắp đặt, vận hành, hiệu năng và trực tiếp tham gia thực hiện kiểm tra định kỳ theo quy định toàn bộ máy móc thiết bị, hệ thống phụ trợ;
- Xây dựng chương trình bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh cho các máy móc thiết bị sản xuất và hệ thống phụ trợ trong công ty;
- Trực tiếp vận hành hệ thống phụ trợ, đảm bảo cung cấp điện, nước, khí nén, không khí sạch phục vụ sản xuất;
- Quản lý nhà đất, xây dựng cơ bản, sửa chữa và bảo trì nhà xưởng;
- Tổ chức tự thanh tra nội bộ, đánh giá nhà cung cấp và công tác thẩm định;
- Soạn thảo các văn bản, biểu mẫu theo chức năng của phòng.

▪ **Phòng kiểm tra chất lượng**

- Tổ chức thực hiện toàn bộ những hoạt động chuyên môn có liên quan đến công tác kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn GLP;
- Kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào, bán thành phẩm, sản phẩm chờ đóng gói, thành phẩm theo tiêu chuẩn quy định. Lấy mẫu bán thành phẩm khi kết thúc công đoạn đóng gói cấp 1 và thành phẩm;
- Theo dõi độ ổn định của các sản phẩm;
- Phối hợp nghiên cứu sản phẩm mới, xây dựng tiêu chuẩn các sản phẩm mới;
- Phân tích sản phẩm trả về, tham gia công tác xử lý khiếu nại sản phẩm;
- Lập hồ sơ thẩm định vệ sinh thiết bị máy móc, kiểm tra môi trường, nước cấp trong sản xuất và trực tiếp tham gia thực hiện kiểm tra theo định kỳ;

- Soạn thảo các văn bản, biểu mẫu theo chức năng của phòng;
- Tham gia công tác đánh giá nhà cung cấp, công tác tự thanh tra và thẩm định.
- **Phòng nghiên cứu phát triển**
 - Tổ chức triển khai nghiên cứu sản phẩm mới theo kế hoạch;
 - Xây dựng công thức, quy trình sản xuất mặt hàng mới;
 - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới tuổi thọ thuốc;
 - Thẩm định quy trình sản xuất;
 - Lập hồ sơ đăng ký mặt hàng mới và đăng ký lại;
 - Triển khai các mặt hàng mới cho phân xưởng;
 - Soạn thảo tài liệu sản xuất (tài liệu sản xuất gốc, quy trình chế biến gốc, đóng gói gốc, hồ sơ lô sản xuất);
 - Tham gia công tác tự thanh tra nội bộ, đánh giá nhà cung cấp.
- **Nhà máy sản xuất**
 - Tổ chức sản xuất theo kế hoạch, đảm bảo việc thực hiện sản xuất phải tuân thủ theo đúng quy trình sản xuất và các SOP liên quan đến sản xuất;
 - Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm làm ra phải đúng với tiêu chuẩn quy định.
 - Soạn thảo quy trình vệ sinh: nhà xưởng, thiết bị, con người và những SOP liên quan đến chức năng nhiệm vụ của phân xưởng;
 - Tổ chức đào tạo huấn luyện các nội dung về GMP có liên quan sản xuất, nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên;
 - Tham gia công tác thẩm định các quy trình sản xuất, quy trình vệ sinh (thiết bị, nhà xưởng, con người...);
 - Tham gia công tác tự thanh tra nội bộ, đánh giá nhà cung cấp.
- **Phòng kế hoạch vật tư**
 - Xây dựng và điều hành kế hoạch sản xuất của Công ty;
 - Cung ứng nguyên liệu vật tư bao bì, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Xây dựng giá thành sản phẩm sản xuất, giá bán ra cho các mặt hàng sản xuất và kinh doanh;
 - Phát lệnh sản xuất;
 - Tham gia đánh giá nhà cung cấp.
- **Tổng kho**
 - Bảo quản và cấp phát toàn bộ nguyên liệu, vật tư bao bì đạt tiêu chuẩn cho sản xuất.
 - Bảo quản và cấp phát thành phẩm sản xuất và kinh doanh;
 - Thực hiện các nguyên tắc GSP trong công tác của Tổng kho;
 - Soạn thảo các SOP liên quan đến công tác bảo quản, tồn trữ, xuất nhập, phân phối thuốc và hướng dẫn thực hiện;
 - Tham gia giải quyết khiếu nại sản phẩm, thu hồi sản phẩm.
- **Phòng kinh doanh**
 - Tổ chức mọi hoạt động kinh doanh và phân phối sản phẩm;

- Xây dựng kế hoạch tiếp thị quảng cáo, xác định các kênh phân phối, chính sách khuyến mãi và chiết khấu phù hợp;
- Tham gia xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm của đơn vị: điều tra khảo sát nhu cầu thị trường trên cơ sở đó đề xuất nghiên cứu mặt hàng mới, cải tiến bao bì chất lượng sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách hàng.
- **Các chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh**
 - Triển khai kế hoạch bán hàng trên địa bàn, các đối tác thuộc các tỉnh, địa bàn đã phân công;
 - Giao dịch với các cơ quan Trung ương, địa phương theo yêu cầu của đơn vị.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/01/2015

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm 15/01/2015)

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ / VĐL (%)
1	Tổng công ty Dược Việt Nam <i>Người đại diện phần vốn: Ông Bùi Xuân Hưởng</i>	0100109385	Số 138B Giảng Võ, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.349.999	25,71%
2	Bùi Xuân Hưởng	012899711	236C Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	362.687	6,91%
3	Đình Văn Cường	03406400000	305 G2 Tổ 23 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	461.163	8,78%
4	Công ty cổ phần MHC (trước là Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội) <i>Người đại diện phần vốn: Ông Hoàng Duy Anh</i>	0100793715	Tầng 7, tòa nhà Hải An, km2, đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	450.000	8,57%
	Tổng cộng			2.623.849	49,98%

Nguồn: Sổ cổ đông của DP3 tại ngày 15/01/2015

❖ Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm 15/01/2015

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 15/01/2015

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ / VĐL (%)
1	Tổng công ty Dược Việt Nam <i>Người đại diện phần vốn: Ông Bùi Xuân Hưởng</i>	0100109385	Số 138B Giảng Võ, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.349.999	25,71%
	Tổng cộng			1.349.999	25,71%

Nguồn: Sổ cổ đông của DP3 tại ngày 15/01/2015

Ghi chú: Công ty được cấp GCN ĐKKD lần đầu ngày 01/12/2003. Đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp

❖ Cơ cấu cổ đông đến ngày 15/01/2015

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông đến ngày 15/01/2015

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	306	5.250.000	52.500.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	5	2.030.334	20.303.340.000	38,67%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	<i>1</i>	<i>1.349.999</i>	<i>13.499.990.000</i>	<i>25,71%</i>
2	Cổ đông cá nhân	301	3.219.666	32.196.660.000	61,33%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0,00%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0,00%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0,00%
	Tổng cộng	306	5.250.000	52.500.000.000	100%

Nguồn: Sổ cổ đông của DP3 tại ngày 15/01/2015

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. Công ty mẹ của Công ty: Không có

5.2. Công ty con của Công ty: Không có

5.3. Công ty liên kết, liên doanh và thành viên khác của Công ty: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Giới thiệu các sản phẩm/hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã và đang sản xuất hơn 100 sản phẩm các loại thuốc đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu. Các sản phẩm của Công ty đa dạng về mẫu mã, phong phú về chủng loại. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 là doanh nghiệp đặc biệt mạnh trong những sản phẩm thuốc được bào chế từ các nguyên liệu có nguồn gốc thiên nhiên, là sự kết hợp giữa nền y học cổ truyền dân tộc với công nghệ khoa học hiện đại. Các nhóm sản phẩm của Công ty như sau:

- Theo hình thức, Công ty sản xuất 05 nhóm thuốc chính là thuốc viên, thuốc nước uống, thuốc hoàn, thuốc cốm bột và cao xoa.
- Theo tính năng điều trị, Công ty sản xuất chủ yếu là các loại thuốc Đông dược, kháng sinh, các loại thuốc hạ nhiệt giảm đau, các loại vitamin, thuốc ho và các loại thuốc bổ.

Ngoài ra, tận dụng hệ thống phân phối và uy tín có sẵn, Công ty cũng kinh doanh một số sản phẩm thuốc, dược - mỹ phẩm.

Hình ảnh về một số sản phẩm của Công ty:

Thuốc viên



Thuốc nước uống



Thuốc hoàn



Thuốc cốm bột



Cao xoa



Hàng kinh doanh



6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2013, 2014

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (%)
1	Dầu cao xoa	7.845	5,17%	8.104	4,40%	3,30%
2	Thuốc nước	6.846	4,51%	7.522	4,08%	9,87%
3	Thuốc hoàn	14.958	9,85%	20.434	11,09%	36,61%
4	Thuốc cốm	3.587	2,36%	3.475	1,89%	-3,12%
5	Thuốc viên	117.317	77,24%	142.799	77,48%	21,72%
6	Hàng Kinh doanh	1.327	0,87%	1.962	1,06%	47,85%
	Tổng	151.880	100%	184.296	100%	21,34%

Nguồn: DP3

Xét về tổng quan, doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty tăng trưởng khá cao và ổn định qua các năm. Năm 2014, doanh thu thuần tăng trưởng 21,34% so với năm 2013, đạt gần 184,3 tỷ đồng.

Theo cơ cấu các nhóm sản phẩm thuốc, sản phẩm thuốc viên đem lại nguồn doanh thu chính cho Công ty, thường xuyên chiếm gần 80% so với tổng doanh thu thuần. Sản phẩm thuốc viên chủ lực đóng góp vào doanh thu của Công ty là Sâm nhung bổ thận TW3 chiếm gần 30% tổng doanh thu. Các sản phẩm thuốc viên khác là: Tetracylin (chiếm khoảng 11%), Clorocid (chiếm khoảng 8%), Hoạt huyết dưỡng não (chiếm 5,32%)... Thuốc hoàn là nhóm sản phẩm đóng góp tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng doanh thu thuần của Công ty (chiếm khoảng 10%). Các sản phẩm thuốc hoàn chủ yếu như: Bổ thận âm, Quy tỳ, Thập toàn đại bổ, Sâm nhung, Bổ trung ích khí... Các nhóm sản phẩm khác như: dầu cao xoa, thuốc nước, thuốc cốm chiếm tỷ trọng nhỏ. Ngoài ra, Công ty cũng có một số mặt hàng kinh doanh khác, nhóm hàng này chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty.

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Tăng/ giảm so với 2013 (%)
1	Dầu cao xoa	2.138	1,41%	1.638	0,89%	-23,39%
2	Thuốc nước	1.961	1,29%	2.333	1,27%	18,97%
3	Thuốc hoàn	6.651	4,38%	10.044	5,45%	51,01%
4	Thuốc cốm	1.522	1,00%	1.459	0,79%	-4,14%
5	Thuốc viên	49.893	32,85%	62.514	33,92%	25,30%

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Tăng/ giảm so với 2013 (%)
6	Hàng Kinh doanh	37	0,02%	-50	-0,03%	-
	Tổng	62.202	40,95%	77.938	42,29%	25,30%

Nguồn: DP3

Cùng với tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng tăng trưởng ấn tượng. Lợi nhuận gộp năm 2014 tăng 25,3% so với năm 2013. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần tăng từ mức 40,95% năm 2013 lên mức 42,99% năm 2014.

Sản phẩm thuốc viên là sản phẩm đóng góp lớn nhất vào tổng lợi nhuận gộp của Công ty (chiếm khoảng 80%). Thứ hai là sản phẩm phẩm thuốc hoàn với tỷ trọng trong tổng lợi nhuận gộp khoảng 10% - 12%. Các nhóm sản phẩm khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty.

6.3. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên, nhiên vật liệu của Công ty

- Nhập khẩu nguyên liệu hóa dược: Dược chất, thuốc bào và tá dược.
- Mua nội địa: Thuốc nam, bao bì các loại và một số tá dược trong nước sản xuất.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu mà Công ty đang sử dụng khá ổn định do được sản xuất từ những Công ty lớn nên có sản lượng cung ứng dồi dào. Hơn nữa, là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín nên Công ty có thuận lợi trong việc tìm thêm các đối tác cung ứng. Các nhà cung ứng cho Công ty đa số là đối tác truyền thống, nên Công ty có lợi thế trong vấn đề đảm bảo về nguồn cung ứng và giá cả cạnh tranh hơn so với những đơn vị nhập khẩu không thường xuyên.

Giá cả một số nguyên liệu tân dược và thuốc bắc có thay đổi theo mùa vụ hoặc khả năng yêu cầu cung ứng của thị trường. Các vật tư khác và bao bì tương đối ổn định về giá khoảng thời gian 1-2 năm và sau đó có thể tăng khoảng 5%/năm.

Mối quan hệ giữa Công ty với nhà cung ứng.

Công ty quan hệ tốt, ổn định với các nhà cung ứng truyền thống, có uy tín, quan hệ nhiều năm liên tục trên tinh thần và nguyên tắc đảm bảo chất lượng, ổn định nguồn cung và giá cả cạnh tranh.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Mảng sản xuất dược phẩm chiếm tỷ trọng lớn trên tổng cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, theo đó những biến động giá cả đầu vào có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của công ty nói chung. Điều này đòi hỏi Ban lãnh đạo phải có những biện pháp thích hợp nhằm ổn định nguồn cung đầu vào cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu

Nhận thức rõ rủi ro và sự ảnh hưởng lớn của giá thành nguyên vật liệu, Công ty đã có kế hoạch và biện pháp chủ động về nguồn nguyên vật liệu, cụ thể như sau:

- Chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu. Thường xuyên đánh giá, nhận định về năng lực cung cấp, chất lượng sản phẩm cũng như các yếu tố môi trường như địa lý, tập quán thương mại của các nhà cung cấp...
- Công ty đã có biện pháp ký hợp đồng giữ giá với các nhà cung cấp nên hạn chế được sự tác động của việc tăng giá nguyên vật liệu tới giá thành phẩm.

Đối với phần lớn với các đơn hàng được ký kết, Công ty đều đã tính toán đến yếu tố tăng giá, trượt giá trên thị trường trong thời gian thực thi. Do vậy, sẽ hạn chế phần nào sự bất lợi do ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đem lại.

6.4. Chi phí sản xuất

Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		
	Giá trị (Triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (Triệu đồng)	% Doanh thu thuần	% tăng giảm so với 2013
Giá vốn hàng bán	89.678	59,05%	106.358	57,71%	18,60%
Chi phí tài chính	6.063	3,99%	3.361	1,82%	-44,57%
Chi phí bán hàng	31.618	20,82%	35.307	19,16%	11,67%
Chi phí quản lý	13.849	9,12%	20.795	11,28%	50,16%
Tổng cộng	141.208	92,97%	165.821	89,98%	17,43%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Theo số liệu về doanh thu và chi phí, tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần năm 2014 đạt 21,34% so với năm 2013, tăng cao hơn so với tốc độ tăng trưởng chi phí (tốc độ tăng trưởng chi phí năm 2014 là 17,43% so với năm 2013). Điều này cho thấy, chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty được kiểm soát khá tốt.

Về cơ cấu chi phí trong tổng doanh thu thuần, giống như hầu hết các công ty sản xuất dược phẩm khác, giá vốn hàng bán luôn chiếm phần lớn trong tổng doanh thu thuần. Giá trị giá vốn hàng bán trong năm 2013 và 2014 lần lượt là 89,7 tỷ đồng và 106,4 tỷ đồng, tương ứng chiếm tới 59,05% và 57,71% doanh thu thuần. Đứng thứ hai về cơ cấu chi phí trong tổng doanh thu thuần là chi phí bán hàng trong đó chủ yếu là chi phí quảng cáo (thường xuyên chiếm khoảng 20% tổng doanh thu thuần. Tiếp theo là chi phí quản lý, khoản chi phí này chiếm khoảng 10% trong tổng doanh thu thuần. Chiếm tỷ trọng thấp nhất là chi phí tài chính, chỉ chiếm khoảng 2% trong tổng doanh thu thuần.

6.5. Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty có hai nhà máy và một phân xưởng sản xuất thuốc với dây chuyền công nghệ như sau:

- Nhà máy sản xuất thuốc non-betalactam có công nghệ hiện đại và đạt tiêu chuẩn GMP-WHO gồm có: Dây chuyền sản xuất thuốc viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc cốm, thuốc nước. Dây chuyền sản xuất này đã được đưa vào hoạt động từ năm 2010.

- Nhà máy sản xuất thuốc từ dược liệu đang làm hồ sơ đề nghị Bộ Y tế thẩm định cấp giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn ‘thực hành tốt sản xuất thuốc’, được lắp đặt các dây chuyền sau:
 - Dây chuyền chế biến, chiết xuất, nấu cao dược liệu;
 - Dây chuyền sản xuất thuốc viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nang cứng, thuốc cốm, thuốc bột, trà thuốc;
 - Dây chuyền sản xuất thuốc hoàn mềm;
 - Dây chuyền sản xuất thuốc hoàn cứng;
 - Dây chuyền sản xuất thuốc nước, rượu thuốc;
 - Dây chuyền sản xuất cao xoa, dầu gió.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Chính sách kiểm tra chất lượng

Về chính sách chất lượng, Công ty cam kết **CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ CHO NGƯỜI SỬ DỤNG**. Chính sách này được truyền đạt, thực thi trong toàn Công ty và luôn được xem xét để đảm bảo tính thích hợp.

Công ty luôn xác định công tác đảm bảo chất lượng thuốc là nhiệm vụ then chốt, hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do vậy, Công ty đã bố trí đầy đủ cán bộ chuyên môn đáp ứng công việc kiểm tra chất lượng, đồng thời, xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng kiểm tra, giám sát tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

Phòng kiểm nghiệm (QC) của công ty đã được Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GLP-WHO có đủ năng lực, trang thiết bị kiểm tra đánh giá chất lượng nguyên liệu, bao bì, sản phẩm.

- Hệ thống tiêu chuẩn của công ty đang áp dụng gồm có:
 - Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV;
 - Tiêu chuẩn Dược điển Anh, Pháp, Trung Quốc;
 - Tiêu chuẩn cơ sở.
- Tất cả nguyên liệu, vật liệu đóng gói nhập về đều được phòng QC kiểm tra đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng mới được phép đưa vào sản xuất.
- Tất cả sản phẩm do Công ty sản xuất đều được phòng QC kiểm tra đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng mới được phép xuất xưởng. Tất cả các sản phẩm xuất xưởng đều có đầy đủ hồ sơ lô, hồ sơ nghiên cứu theo dõi độ ổn định và lưu mẫu theo quy định.

Hệ thống bảo quản, phân phối thuốc

- Công ty đã được Bộ Y tế cấp chứng nhận GSP-WHO cho hệ thống kho tại xã Nam Sơn, cấp chứng nhận đạt GDP cho chi nhánh Hà Nội và chi nhánh TP.Hồ Chí Minh.
- Mạng lưới phân phối của Công ty bao gồm Phòng kinh doanh và hai chi nhánh tại Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh. Tất cả đều tuân thủ hoạt động theo đúng quy chế chuyên môn của ngành, theo đúng pháp luật nhà nước ban hành.

6.7. Hoạt động Marketing

Thị trường và khách hàng mục tiêu

- Tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Y tế, trải qua 52 năm hoạt động và phát triển, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã giành được niềm tin và sự tín nhiệm của người tiêu dùng, đặc biệt là trong lĩnh vực thuốc đông dược. Công ty đã xây

dựng được đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao cũng như tích lũy được nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất, bào chế thuốc. Công ty cũng đã xây dựng được mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước bao gồm hệ thống các nhà thuốc đối tác trải khắp 64 tỉnh thành và nhiều bệnh viện lớn trong cả nước.

- Nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua có tốc độ tăng trưởng khá cao, đời sống người dân không ngừng được cải thiện, nhưng nhìn chung mức sống của người dân còn chưa cao, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, trên 70% dân số vẫn sống ở khu vực nông thôn. Nắm bắt được điều này, Công ty nhận định mảng thị trường khu vực địa phương nông thôn với thu nhập ở tầm trung là thị trường có quy mô rất lớn và có tiềm năng tăng trưởng cao. Hơn nữa những yêu cầu về sản phẩm của khu vực thị trường này lại rất phù hợp với năng lực sản xuất, mạng lưới phân phối cũng như phát huy được các thế mạnh và thương hiệu hiện có của Công ty, tránh được cạnh tranh với các tập đoàn dược phẩm mạnh của nước ngoài trong điều kiện Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Ngoài ra công ty cũng chú trọng tới một bộ phận khách hàng có thu nhập cao ở thành phố để có chiến lược sản phẩm phù hợp.
- Với thị trường và khách hàng mục tiêu hướng tới người tiêu dùng có thu nhập tầm trung; khu vực nông thôn; và một bộ phận khách hàng có thu nhập cao ở thành phố, chiến lược thị trường và Khách hàng của Công ty được đánh giá là đúng đắn vì thị trường này có dân số đông, quy mô lớn, tiềm năng tăng trưởng cao và phù hợp với nội lực của Công ty. Trên cơ sở này, Công ty đã đề ra các chính sách về sản phẩm, phân phối, chính sách giá và quảng cáo xúc tiến bán hướng đến việc phục vụ tốt nhất thị trường này.

Sản phẩm

- Các sản phẩm của Công ty đa dạng và phong phú về chủng loại, mẫu mã bao bì đẹp, chất lượng đảm bảo đúng tiêu chuẩn đã đăng ký, có hiệu quả cao trong điều trị và đặc biệt tiết kiệm chi phí cho người dùng, phù hợp với người có thu nhập trung bình. Bên cạnh đó, Công ty cũng sản xuất một số sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp để phù hợp với đối tượng khách hàng có thu nhập khá. Đặc biệt trong dòng sản phẩm Đông dược, Công ty đã khẳng định được là một trong những đơn vị có chất lượng hàng đầu trong ngành sản xuất đông dược cả nước. Một số sản phẩm của Công ty có uy tín rất cao và có chất lượng dẫn đầu thị trường như Cao sao vàng, các loại viên hoàn như Hoàn Bồ thận âm, Bồ thận dương, Hoàn Sáng mắt, hoàn mềm các loại như: Hoàn Sâm Nhung, Hoàn Bồ trung ích khí, Hoàn Lục vị,... viên bao như Hoạt huyết dưỡng não, Nhuận gan lợi mật, Viegan B, Magasol, Kimraso, foritakane...từ lâu đã dành được sự tín nhiệm của người tiêu dùng. Theo điều tra của Công ty thì trong phân khúc thị trường mục tiêu của Công ty, thị phần sản phẩm Đông dược của Công ty chiếm khoảng 15%.
- Song song với sản phẩm Đông dược, Công ty cũng đẩy mạnh sản xuất tân dược để đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Sản phẩm tân dược của Công ty cũng được xây dựng phục vụ cho phân khúc thị trường mục tiêu đã xác định với nhiều chủng loại sản phẩm như thuốc kháng sinh, thuốc giảm đau, hạ sốt, vitamin, thuốc ho...
- Chất lượng sản phẩm của Công ty đã được người tiêu dùng đánh giá cao và từ năm 1999 đến 2007, Công ty liên tục đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” qua cuộc điều tra do báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức. Chính vì vậy, sản phẩm của Công ty luôn nhận được sự tin cậy và lựa chọn của đông đảo khách hàng trong và ngoài nước.

Hệ thống phân phối

- Xác định khách hàng mục tiêu là nhóm khách hàng có thu nhập tầm trung và khá giả tập trung tại các địa phương nông thôn và đô thị địa phương, thành phố, có quy mô dân số lớn và địa bàn rộng nên công tác xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối được Công ty hết sức chú trọng. Đến nay, Công ty đã xây dựng được mạng lưới phân phối bán hàng rộng khắp và có sự gắn kết chặt chẽ.

- Các sản phẩm của Công ty chủ yếu được phân phối qua các Công ty dược phẩm trung ương, địa phương, các bệnh viện trên toàn quốc. Mạng lưới phân phối của Công ty ngày càng được mở rộng qua các Công ty TNHH Dược phẩm (Công ty TNHH Đại Bắc, Công ty TNHH Dược phẩm Hưng Việt, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế...), các nhà thuốc tư nhân tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước, giúp đưa sản phẩm của Công ty đến tận tay người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cộng tác viên là những trình dược viên giỏi, có năng lực để hỗ trợ các nhà phân phối chào hàng, đặt hàng... Công ty cũng chú trọng kênh phân phối thông qua việc đấu thầu cung cấp sản phẩm cho các bệnh viện. Công ty đã trúng thầu nhiều đợt cung cấp sản phẩm với các bệnh viện lớn như Hữu Nghị, Thống Nhất, Bệnh viện Y học dân tộc TP. Hồ Chí Minh và hầu hết trên các tỉnh thành trong toàn quốc, qua đó khẳng định chất lượng sản phẩm của Công ty.

Hệ thống phân phối của Công ty

- Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng
16 Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty tại Hà Nội:
358 Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:
42/74 Nguyễn Giản Thanh, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Nhà phân phối: Công ty TNHH Đại Bắc
Số 11 Đường Công nghiệp 4, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Hà Nội
- Nhà phân phối: Công ty Thương Mại và Dược phẩm Hưng Việt
Lô 46 M2 Khu đô thị Yên Hòa, Phường Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Nhà phân phối: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế
Tầng 2 nhà 34T Trung Hòa, Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Giá bán

Công ty xây dựng chính sách giá phù hợp cho nhóm khách hàng mục tiêu có thu nhập tầm trung, thu nhập khá và xác định giá bán sản phẩm đến người sử dụng thống nhất trên toàn quốc. Việc kiểm soát chi phí sản xuất của Công ty được chú trọng và thực hiện tốt nên giá bán sản phẩm của Công ty có khả năng cạnh tranh so với các sản phẩm khác cùng loại được sản xuất trong nước.

Quảng bá thương hiệu

Logo và nhãn hiệu FORIPHARM của Công ty đã được ghi nhận vào sổ danh bạ nhãn hiệu hàng quốc gia, có hiệu lực trên toàn quốc và đã được bảo hộ tổng thể. Việc quảng bá thương hiệu FORIPHARM luôn được Công ty chú trọng và là mục tiêu có tính chiến lược trong quá trình phát triển của Công ty. Do các sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù (các sản phẩm Đông dược cổ truyền và các sản phẩm tân dược) nên Công ty thực hiện việc quảng bá thương hiệu đến người tiêu dùng thông qua nhiều hình thức khác nhau:

- Các bài viết, phóng sự các tạp chí có tiếng, các báo trung ương, địa phương, trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) và các tạp chí nước ngoài (Ukraina, Nga);
- Qua các chương trình ủng hộ thuốc, chữa bệnh cho người nghèo, người già (về hưu) qua các công tác xã hội, nhân đạo;

- Thông qua các Công ty kinh doanh dược phẩm có thể mạnh, có năng lực lớn trên lĩnh vực phân phối dược phẩm trong nước và ngoài nước;
- Thông qua các chi nhánh của Công ty tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, các tỉnh miền Duyên Hải và tại các Đại diện phân phối của Công ty ở nước ngoài (Nga, Ukraina, Kazakhstan...)
- Thông qua các đại lý, nhà thuốc tư nhân, các hệ thống bệnh viện từ trung ương đến các tỉnh trên toàn quốc.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: www.duocphamtw3.com

- Đăng ký nhãn hiệu:

Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục Sở hữu trí tuệ cấp:

- Giấy chứng nhận nhãn hiệu số 1043 cấp theo quyết định số 24535/QĐ-SHTT ngày 20/11/2008 cho logo Công ty.
- Giấy chứng nhận nhãn hiệu số 39042 cấp theo quyết định số 3311/QĐ-SHTT ngày 26/02/2010 cho tên công ty: FORIPHARM
- Giấy chứng nhận nhãn hiệu cho 57 nhãn hiệu cho các sản phẩm khác. Cụ thể như sau:

Bảng 7: Danh sách Giấy chứng nhận nhãn hiệu của Công ty

STT	Tên nhãn hiệu	Số GCN	Số Quyết định	Ngày cấp	Hiệu lực đến
1	HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO (LO)	88816	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	16/04/2024
2	HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO (HỘP)	88817	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	16/04/2024
3	DACLARIT	67903	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	01/06/2024
4	NHÂN SÂM TAM THẤT	67576	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	19/07/2024
5	FORITAKANE	68198	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	22/07/2024
6	FORIGETINSON	69689	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	07/09/2024
7	NHUẬN GAN LỢI MẬT	75844	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	10/10/2024
8	FORIGETINSONE	72908	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	10/10/2024
9	VIEGAN-B	74022	26977/QĐ-SHTT	15/05/2014	10/12/2024
10	FORITAKANE (NHÃN HỘP 60 VIÊN)	72787	24536/QĐ-SHTT	20/11/2008	23/02/2015
11	VIÊN CẢM CÚM FORIPHARM	88606	24536/QĐ-SHTT	20/11/2008	18/04/2015

STT	Tên nhãn hiệu	Số GCN	Số Quyết định	Ngày cấp	Hiệu lực đến
12	PHONG TÊ THẤP	100780	10574/QĐ-SHTT	27/05/2009	26/05/2016
13	HOÀN QUY TỶ	104470	10574/QĐ-SHTT	27/05/2009	28/06/2016
14	NGÂN KIỀU GIẢI ĐỘC	109598	10574/QĐ-SHTT	27/05/2009	28/06/2016
15	HOÀN SÂM NHUNG	101212	10574/QĐ-SHTT	27/05/2009	28/06/2016
16	TRÀ RAU MÁ (NHÃN LỘ)	101211	10574/QĐ-SHTT	27/05/2009	28/06/2016
17	TRÀ RAU MÁ (NHÃN HỘP)	101219	10574/QĐ-SHTT	27/05/2009	28/06/2016
18	MATASA.TW3	116686	27254/QĐ-SHTT	23/12/2008	19/03/2017
19	KISSYOU.TW3	116685	27253/QĐ-SHTT	23/12/2008	19/03/2017
20	APPCAO.TW3	116684	27252/QĐ-SHTT	23/12/2008	19/03/2017
21	CAMSOTTDY.TW3	116683	27251/QĐ-SHTT	23/12/2008	19/03/2017
22	BEDAIDAM.TW3	116682	27250/QĐ-SHTT	23/12/2008	19/03/2017
23	DIOPIC.TW3	116404	26875/QĐ-SHTT	18/12/2008	18/04/2017
24	YOURSELF	106164	14902/QĐ-SHTT	30/07/2008	23/04/2017
25	AZENXEN	106163	14901/QĐ-SHTT	30/07/2008	23/04/2017
26	MEN AND ROSE	116753	27321/QĐ-SHTT	23/12/2008	03/05/2017
27	BLANZIX.TW3	114611	24874/QĐ-SHTT	25/11/2008	28/05/2017
28	FORIGANE	117612	570/QĐ-SHTT	08/01/2009	02/07/2017
29	DẦU GIÓ SINGTW3	136516	23243/QĐ-SHTT	05/11/2009	09/04/2018
30	LÔ GÔ CÔNG TY	1043	24535/QĐ-SHTT	20/11/2008	14/07/2018
48	AN VỊ TRÀNG TW3	206427	27960/QĐ-SHTT	24/05/2013	10/10/2018
31	BỘ PHẾ CHỈ KHÁI LỘ TW3- FORIPHARM	149876	13809/QĐ-SHTT	22/07/2010	10/12/2018
32	POLYDELZAL	36443	14052/QĐ-SHTT	03/07/2009	01/10/2019
33	GUSAMI-F	167027	19094/QĐ-SHTT	01/12/2009	01/12/2019
34	GIDAHAN	167026	19093/QĐ-SHTT	05/07/2011	01/12/2019
35	FORIPHARM	39042	3311/QĐ-SHTT	26/02/2010	18/07/2020
36	POFICIN	189189	44087/QĐ-SHTT	08/10/2012	10/12/2020
37	STREPDIZIN	47104	7416/QĐ-SHTT	24/02/2012	25/03/2022
38	TIÊU ĐỘC NHUẬN GAN MẬT TW3	208766	37955/QĐ-SHTT	15/07/2013	16/05/2022

STT	Tên nhãn hiệu	Số GCN	Số Quyết định	Ngày cấp	Hiệu lực đến
39	BỒ THẬN THỦY TW3	219134	6307/QĐ-SHTT	24/01/2014	16/05/2022
40	BỒ THẬN THỦY TW3	219180	6353/QĐ-SHTT	24/01/2014	16/05/2022
41	SÂM NHUNG BỒ THẬN TW3	210302	43628/QĐ-SHTT	14/08/2013	30/05/2022
42	SÂM NHUNG BỒ THẬN TW3	210448	44010/QĐ-SHTT	15/08/2013	30/05/2022
43	SÂM NHUNG BỒ THẬN TW3	212256	50915/QĐ-SHTT	13/09/2013	30/05/2022
44	SÂM NHUNG BỒ THẬN TW3	212217	50713/QĐ-SHTT	13/09/2013	11/06/2022
45	LEVOTEX	49535	7416/QĐ-SHTT	24/02/2012	04/06/2022
46	MENCOLDA	50079	7416/QĐ-SHTT	24/02/2012	05/07/2022
47	OROPERAZOL	50041	7416/QĐ-SHTT	24/02/2012	22/08/2022
49	HIPOPANAX	215166	63978/QĐ-SHTT	18/11/2013	30/08/2022
50	FORESEPTOL	222903	20967/QĐ-SHTT	15/04/2014	27/11/2022
51	VIBOMA	54082	44762/QĐ-SHTT	15/08/2012	03/01/2023
52	OXYFAST	53708	44762/QĐ-SHTT	15/08/2012	07/01/2023
53	DACLOGEN	53707	44762/QĐ-SHTT	15/08/2012	07/01/2023
54	CAROTIM	53951	44762/QĐ-SHTT	15/08/2012	14/02/2023
55	FORILIMAX	61450	44762/QĐ-SHTT	15/08/2012	24/06/2023
56	LONG QUY SINH	60036	44762/QĐ-SHTT	15/08/2012	06/11/2023
57	HOÀN BỒ THẬN ÂM	60511	44762/QĐ-SHTT	15/08/2012	11/11/2023

Nguồn: DP3

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Danh sách một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc ký kết

STT	Tên hợp đồng	Khách hàng	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Trị giá hợp đồng (triệu đồng)
1	Hợp đồng mua bán	Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Hà An	Clorocid 250mg/viên	Tháng 2/2014 (đã hoàn thành vào tháng 3/2014)	1221,97
2	Hợp đồng kinh tế mua bán cao sao vàng xuất khẩu	Công ty TNHH PTT Global s.r.o	Bản cao sao vàng 3gam	Tháng 3/2014	216,5
3	Hợp đồng bán nguyên liệu mua thành phẩm	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW2 Hà Nội	Clorocid 250mg/viên	Tháng 3/2014 (đã hoàn thành vào tháng 5/2014)	1197,18
4	Hợp đồng bán nguyên liệu mua thành phẩm	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW2 Hà Nội	Clorocid 250mg/viên	Tháng 7/2014 (đã hoàn thành vào tháng 5/2014)	1138,16
5	Hợp đồng bán nguyên liệu mua thành phẩm	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW2 Hà Nội	Clorocid 250mg/viên	Tháng 3/2014	980,23
6	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hòa Phát	Các mặt hàng thuốc	Năm 2015	-
7	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH Dược phẩm IQ Pharma	Các mặt hàng thuốc	Năm 2015	-

Nguồn: DP3

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và 2014

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	
	Trị giá (đồng)	Trị giá (đồng)	Tăng/giảm so với năm 2013 (%)
Tổng giá trị tài sản	147.326.018.379	151.836.120.685	3,06%
Vốn chủ sở hữu	91.637.490.016	96.278.558.543	5,06%
Doanh thu thuần	151.880.002.241	184.295.902.510	21,34%
Lợi nhuận thuần HĐKD	10.724.060.623	18.523.443.180	72,73%
Lợi nhuận khác	3.705.737.829	(1.102.363.057)	(129,75%)
Lợi nhuận trước thuế	14.429.798.452	17.421.080.123	20,73%
Lợi nhuận sau thuế	7.942.570.290	11.689.751.259	47,18%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	9,81%	12,44%	-
Tỷ lệ LN trả cổ tức	77,11%	-N/A (*)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.251	2.227	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 của DP3

(*) Cổ tức năm 2014: sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm cuối năm 2014 đạt lần lượt 91,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,06% so với thời điểm cuối năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty đã có sự gia tăng từ mức 8,45 tỷ đồng lên mức 12,35 tỷ đồng trong năm 2014.

Trong năm 2014, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt mức 184,3 tỷ đồng và 11,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 21,34 % và 47,18% so với năm 2013. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do trong năm 2014, Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm chủ chốt của Công ty như: Sâm nhung bổ thận TW3, Tetracylin, Clorocid, Bổ thận âm, Quy tỳ, Zinkid... Đồng thời, Công ty tiếp tục thực hiện tăng cường quảng cáo các sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đã góp phần thúc đẩy doanh thu của các sản phẩm này trong năm 2014.

Giá trị khoản mục Lợi nhuận khác của Công ty trong năm 2014 là âm 1,1 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2014, Công ty đã phải nộp khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 1.280.891.449 đồng theo kết luận của cơ quan thuế.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Công ty đã tích cực chủ động trong công tác cung ứng vật tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt là tiếp tục thực hiện quảng cáo một số sản phẩm trên các phương tiện truyền thông, do vậy, doanh thu tiêu thụ sản phẩm tăng lên, thương hiệu của Công ty cũng ngày càng được khách hàng và người tiêu dùng tin cậy, nhiều sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng đánh giá cao về tác dụng chữa bệnh và có giá thành phù hợp.
- Việc kiên định thực hiện chiến lược sản xuất, tiêu thụ sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả hợp lý gắn với thương hiệu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 và chiến lược ổn định, phát triển lâu dài của Công ty đã tiếp tục tạo được niềm tin cho Khách hàng.
- Công ty cũng đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quy trình sản xuất, thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện quy trình quy phạm trong sản xuất, việc chấp hành các quy chế trong bảo quản, tồn trữ và lưu thông.
- Công tác nghiên cứu phát triển cũng luôn được xác định là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của Công ty
- Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công nhân viên trình độ cao, các công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm. Đây chính là tài sản quý giá nhất của Công ty và cũng chính là nguồn lực để Công ty phát triển lâu dài và bền vững.

Khó khăn

- Phần lớn nguyên liệu đầu vào của Công ty đều được nhập khẩu nên chịu sự ảnh hưởng của những biến động về nguồn nguyên vật liệu và giá cả nguyên vật liệu. Tuy nhiên công tác dự trữ vật tư luôn được Công ty chú trọng hợp lý, đảm bảo được nguồn nguyên vật liệu liên tục và ổn định cho sản xuất của Công ty.
- Kinh tế vĩ mô mặc dù đã có những khởi sắc nhất định tuy nhiên vẫn chưa ổn định. Trong khi đó, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị cạnh tranh khốc liệt và thiếu lành mạnh, giá sản phẩm hàng hóa bán ra tăng không tương thích với sự gia tăng các yếu tố đầu vào cũng tạo áp lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý công ty đoàn kết tập trung lãnh đạo CBCNV đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết giảm chi phí. Vì vậy Công ty đã từng bước vượt qua khó khăn, thực hiện kế hoạch SXKD ổn định các mặt hoạt động.
- Thị trường dược phẩm ngày càng cạnh tranh mạnh mẽ hơn khi các Công ty nước ngoài cũng như các Công ty trong nước không ngừng cải tiến công nghệ, đưa ra nhiều sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã và các hình thức quảng cáo, khuyến mại. Trước tình hình này, Công ty cũng bị ảnh hưởng về thị phần và Công ty cần xây dựng những chính sách và chiến lược hiệu quả để phát triển kinh doanh đồng thời tăng vị thế và sức cạnh tranh của Công ty trong ngành.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp trong ngành

Hiện nay mức độ cạnh tranh trên thị trường dược phẩm là khá cao. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, thị trường đã có sự phân hóa rõ nét, theo đó các doanh nghiệp có quy mô và mạng lưới khách hàng lớn - ổn định chiếm phần lớn thị phần lớn trong ngành. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 với chiến lược cạnh tranh rõ ràng, lợi thế về mạng lưới khách hàng đã từng bước xây dựng được thương hiệu mạnh trên thị trường.

Tiền thân là đơn vị sản xuất Đông dược với kinh nghiệm trên 50 năm, cùng với việc áp dụng những công thức và công nghệ sản xuất hiện đại, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3

đã tạo dựng được năng lực sản xuất khá tốt so với các Công ty cùng ngành. Đồng thời, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã xây dựng được hình ảnh tốt cho các sản phẩm như: Hoàn bổ thận âm, Hoàn sâm nhung, Hoàn lục vị, Hoàn hà xa đại tạo, Hoàn thập toàn đại bổ, Hoạt huyết dưỡng não, Kimraso, Nhuận gan lợi mật, Cao sao vàng... Đây cũng chính là một lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 cũng là doanh nghiệp có uy tín lớn trên thị trường sản xuất và kinh doanh phân phối dược phẩm. Công ty luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt và tiến độ sản xuất, giao hàng đúng thời hạn cùng các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng nỗ lực phấn đấu đảm bảo sản phẩm luôn đạt chất lượng ngày càng cao để xứng đáng sự tin cậy của người sử dụng.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 10/01/2014, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 68/QĐ-TTg quyết định phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính:

Quan điểm phát triển

- Cung ứng đủ thuốc cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân với chất lượng bảo đảm, giá hợp lý; phù hợp với cơ cấu bệnh tật, đáp ứng kịp thời yêu cầu an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và các nhu cầu khẩn cấp khác.
- Xây dựng nền công nghiệp dược, trong đó tập trung đầu tư phát triển sản xuất thuốc generic bảo đảm chất lượng, giá hợp lý, từng bước thay thế thuốc nhập khẩu; phát triển công nghiệp hóa dược, phát huy thế mạnh, tiềm năng của Việt Nam để phát triển sản xuất vắc xin, thuốc từ dược liệu.
- Phát triển ngành Dược theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới; phát triển hệ thống phân phối, cung ứng thuốc hiện đại, chuyên nghiệp và tiêu chuẩn hóa.
- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động dược lâm sàng và cảnh giác dược.
- Quản lý chặt chẽ, hiệu quả các khâu từ sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, lưu thông, phân phối đến sử dụng thuốc.

Mục tiêu chung

- Cung ứng đầy đủ, kịp thời, có chất lượng, giá hợp lý các loại thuốc theo cơ cấu bệnh tật tương ứng với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.
- Chú trọng cung ứng thuốc cho đối tượng thuộc diện chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, vùng sâu, vùng xa.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- 100% thuốc được cung ứng kịp thời cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh.
- Phần đầu sản xuất được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất thuốc trong nước, thuốc sản xuất trong nước chiếm 80% tổng giá trị thuốc tiêu thụ trong năm, trong đó thuốc từ dược liệu chiếm 30%; vắc xin sản xuất trong nước đáp ứng 100% nhu cầu cho tiêm chủng mở rộng và 30% nhu cầu cho tiêm chủng dịch vụ.
- Phần đầu có 40% thuốc generic sản xuất trong nước và nhập khẩu có số đăng ký lưu hành được đánh giá tương đương sinh học và sinh khả dụng.

- 100% cơ sở kinh doanh thuốc thuộc hệ thống phân phối thuốc đạt tiêu chuẩn thực hành tốt, 50% cơ sở kiểm nghiệm và 100% cơ sở kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế đạt tiêu chuẩn thực hành tốt (GPs).
- 50% bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương có bộ phận dược lâm sàng, 50% bệnh viện tuyến huyện, bệnh viện tư nhân có hoạt động dược lâm sàng.
- Đạt tỷ lệ 2,5 dược sĩ/1 vạn dân, trong đó dược sĩ lâm sàng chiếm 30%.

Mục tiêu định hướng đến năm 2030

Thuốc sản xuất trong nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng, sản xuất được thuốc chuyên khoa đặc trị, chủ động sản xuất vắc xin, sinh phẩm cho phòng chống dịch bệnh, sản xuất được nguyên liệu làm thuốc. Hệ thống kiểm nghiệm, phân phối thuốc, công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc ngang bằng các nước tiên tiến trong khu vực.

8.3 Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Về định hướng phát triển, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 tiếp tục đầu tư nghiên cứu các mặt hàng mới để tạo ra nhiều dòng sản phẩm chất lượng cao thông qua việc đưa vào vận hành và khai thác hiệu quả tối đa công suất toàn bộ nhà máy GMP-WHO đã được công ty đầu tư, đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm bình quân từ 10%-15%, đạt hiệu quả kinh tế và xã hội. Định hướng phát triển này của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng số lao động trong Công ty là 215 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau.

Bảng 10: Tình hình lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2014

Loại lao động	Số lượng (người)
Phân theo giới tính	215
▪ Nam	86
▪ Nữ	129
Phân theo trình độ học vấn	215
▪ Trình độ đại học và trên đại học	62
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	113
▪ Đối tượng khác	40

(Nguồn: DP3)

9.2. Chính sách đối với người lao động

Với lực lượng lao động trên cùng với bề dày hoạt động 52 năm trong ngành dược, Công ty đã nắm được nhiều bí quyết cũng như kỹ thuật bào chế các loại thuốc có chất lượng cao. Với các

nhóm ngành đặc thù như y và dược, vai trò của đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực là vô cùng quan trọng. Chính vì vậy đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu, thành thạo công việc và có nhiều kinh nghiệm thật sự là một thế mạnh của Công ty trong môi trường kinh doanh cạnh tranh như hiện nay.

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h đối với bộ phận văn phòng. Đối với bộ phận sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, nhịp độ sản xuất 01 ca trong ngày. Đối với các bộ phận đặc thù, nhịp độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh, các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và có đầy đủ chế độ thỏa đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm quy định của Bộ luật Lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất, kho tàng hàng hóa khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Nhà ăn giữa ca khang trang, thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tất cả cán bộ công nhân viên đều được Công ty hỗ trợ thêm trong mỗi suất ăn hàng ngày, ngoài ra đối với người lao động trực tiếp theo quy định của tính chất công việc độc hại còn được hưởng chế độ trợ cấp độc hại.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là các kỹ năng về GMP, kỹ năng quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại xưởng sản xuất, về GMP, về chuyên môn, nghiệp vụ, nội quy lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, trách nhiệm quyền hạn được giao.
- Đào tạo hàng năm: Căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức như: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khóa huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp để huấn luyện. Kết quả sau mỗi khóa học được báo cáo đầy đủ để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty áp dụng chế độ lương theo thang bảng lương của Nhà nước để đóng và thanh toán trợ cấp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, ngày công chế độ nghỉ phép, lễ tết, hội họp, học tập chuyên môn... Ngoài ra, Công ty xây dựng quy chế tiền lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề, có sức thu hút đối với các Dược sĩ Đại học. Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc. Ngoài ra, tùy vào hiệu quả kinh doanh, Công ty xét thưởng cho cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty... Hội đồng khen thưởng sẽ xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân và tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức sản xuất.
- Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo luật lao động, nội quy lao động và quy chế làm việc nội bộ của Công ty. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi thăm quan nghỉ mát trong nước, duy trì tốt phong trào Văn-Thể-Mỹ. Công đoàn cơ sở Công ty trao tặng bằng khen của Công đoàn ngành Y tế Việt Nam công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh nhiều năm liền.
- Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí Công đoàn được Công ty trích nộp đúng đủ theo quy định của pháp luật Bảo hiểm.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2012, Công ty thực hiện trả cổ tức ở mức 10% bằng tiền mặt (đã thực hiện chi trả vào tháng 4 - tháng 5/2013)

Năm 2013, mức cổ tức của Công ty được tăng lên mức 15% bằng tiền mặt (đã chi trả cổ tức đợt 1/2013 với tỷ lệ 10% vào tháng 05/2014 và đợt 2/2013 với tỷ lệ 5% vào tháng 8/2014)

Năm 2014, Công ty dự kiến chi trả cổ tức ở mức 15% bằng tiền mặt (mức cổ tức này sẽ được trình đại hội cổ đông thường niên năm 2015 thông qua)

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Cụ thể:

Bảng 11: Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 - 10

Nguồn: DP3

❖ Mức lương bình quân:

Bảng 12: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	4,8	6,2	6,5

Nguồn: DP3

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng qua các năm.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán 2014, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 13: Các khoản phải nộp theo luật định

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.487.228.162	2.421.328.864
Thuế thu nhập cá nhân	93.620.310	245.219.298
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	159.844.000
Tổng cộng	4.580.848.472	2.826.392.162

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Hiện tại, Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Bảng 14: Trích lập các quỹ theo luật định

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Quỹ đầu tư phát triển	3.391.436.332	3.788.564.847
Quỹ dự phòng tài chính	1.211.018.394	1.608.146.909
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.253.058	20.869.078
Tổng cộng	4.643.707.784	5.417.580.834

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- Các khoản phải thu

Bảng 15: Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Các khoản phải thu ngắn hạn	22.698.761.614	14.456.669.719
Phải thu của khách hàng	17.682.006.393	14.773.604.910
Trả trước cho người bán	6.016.573.470	395.306.254
Các khoản phải thu khác	24.656.704	352.233.508
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.024.474.953)	(1.064.474.953)
Các khoản phải thu dài hạn	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Bảng 16: Chi tiết chỉ tiêu Trả trước cho người bán

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Công ty CP Xây lắp điện Duyên Hải	0	285.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật CD Sông Hồng	0	4.108.547.200
Công ty CP Thiết bị MPM	0	519.321.270
Công ty CP Phát triển Khoa học Công nghệ VINA	90.000.000	0
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	182.700.000	0
Các đối tượng khác	122.606.254	1.103.705.000
Tổng cộng	395.306.254	6.016.573.470

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Bảng 17: Chi tiết chỉ tiêu Phải thu khách hàng

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Công ty Fileon - Ukraina	971.034.874	971.034.874
Công ty TNHH Đại Bắc	1.992.102.263	2.818.939.148
Công ty CP Dược và vật tư y tế Hải Dương	56.330.400	428.517.760
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển y tế	2.242.100.310	2.114.250.935
Công ty CP TM Dược Đông Bắc	1.296.665.726	2.136.547.531
CTCP TM Dược phẩm Tâm Phát	0	127.490.750
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Anh	0	4.171.188
Công ty CP Dược phẩm Hoà Phát	1.087.105.582	0
Các đối tượng khác	7.128.265.755	9.081.054.207
Tổng cộng	17.682.006.393	14.773.604.910

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Bảng 18: Chi tiết chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Công ty VEX Việt Nam	17.239.547	17.239.547
Viện y học Cổ truyền Việt nam	26.546.462	26.546.462
Công ty FILION UKRAINE	971.034.874	971.034.874

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Công ty Tân Phương Bắc	9.654.070	9.654.070
CN Công ty Dược VTYT Quảng Nam	0	40.000.000
Tổng cộng	(1.024.474.953)	(1.064.474.953)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

▪ Các khoản phải trả

Bảng 19: Các khoản phải trả

STT	Khoản mục	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
I	Nợ ngắn hạn	49.988.528.363	35.238.761.142
1	Vay và nợ ngắn hạn	26.743.686.345	17.328.956.845
2	Phải trả người bán	15.527.148.654	10.921.481.472
3	Người mua trả tiền trước	1.126.202.220	156.688.360
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.580.848.472	2.826.392.162
5	Phải trả người lao động	936.984.957	1.455.294.903
6	Chi phí phải trả	14.719.492	1.826.483.183
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.017.685.165	702.595.139
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	41.253.058	20.869.078
II	Nợ dài hạn	5.700.000.000	20.318.801.000
2	Vay và nợ dài hạn	5.700.000.000	20.318.801.000
	Tổng cộng	55.688.528.363	55.557.562.142

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Bảng 20: Chi tiết phải trả người bán

STT	Khoản mục	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
1	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TW 2 - CN Hà Nội	2.002.438.200	0
2	Công ty CP Thương mại dược liệu Sơn Tùng	1.660.128.561	2.411.692.605

STT	Khoản mục	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
3	Công ty TNHH Giang Hà Anh	398.449.150	578.064.300
4	Công ty TNHH TM và Dược phẩm Hưng Việt	538.192.253	807.288.379
5	Công ty TNHH An Thịnh	435.418.770	412.551.255
6	Công ty TNHH SX Bao bì và TM Đức Thành	865.143.191	0
7	Công ty CP Thương mại Việt Phát	161.626.850	0
8	Công ty CP Hoá Dược Việt Nam	111.202.289	0
9	Công ty cổ phần XNK Hoá chất Sài Gòn	0	0
10	Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Anh	0	0
11	Kukje Pharma Ind.Co.LTD Korea	1.627.762.000	0
12	Vũ Xuân Dương	258.242.052	0
13	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	0	238.761.600
14	Công ty TNHH FLAVON	0	377.665.200
15	Kukje Pharma Ind.Co.LTD Korea	0	2.949.750.000
16	Bà Nguyễn Thị Thanh	1.721.926.000	0
17	Các đối tượng khác	5.746.619.338	3.145.708.133
	Tổng cộng	15.527.148.654	10.921.481.472

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

- Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014

Bảng 21: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 31/12/2014

Đối tượng cho vay	Mục đích vay	Số tiền vay (VND)	Lãi suất cho vay %/năm
Vay và nợ ngắn hạn		17.328.956.845	
Vay ngân hàng		4.483.601.476	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (*)	Bổ sung vốn lưu động	4.483.601.476	7,5% - 10,5%

Đối tượng cho vay	Mục đích vay	Số tiền vay (VND)	Lãi suất cho vay %/năm
Vay cá nhân (**)	Bổ sung vốn lưu động	12.845.355.369	10,5%
Vay và nợ dài hạn		20.318.801.000	
Vay ngân hàng		18.258.801.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (***)	Bổ sung vốn xây dựng phân xưởng sản xuất thuốc Đông dược	18.258.801.000	7,5% - 12,5%
Vay cá nhân	Bổ sung vốn lưu động	2.060.000.000	13,2%
Tổng cộng		37.647.757.845	

(Nguồn: DP3)

(*) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hồng Bàng theo hợp đồng tín dụng số 01/HM/2014 ngày 03/07/2014 với hạn mức vay 18.000.000.000 đồng từ 03/7/2014 đến 03/07/2015. Mục đích sử dụng khoản vay: để bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C bằng vốn vay ngân hàng, bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được tính là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối đa 8%/năm. Lãi suất kỳ hạn đầu tiên là 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ nhà xưởng, vật kiến trúc gắn liền với đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng và máy móc thiết bị.

(**) Khoản vay từ cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn và lãi suất tiền vay theo thỏa thuận từng thời kỳ và theo thông báo của Công ty.

(***) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hồng Bàng theo hợp đồng tín dụng số 01/HM/2013 ngày 23/07/2013 với hạn mức vay 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 7 năm. Mục đích sử dụng khoản vay: để bổ sung vốn xây dựng phân xưởng sản xuất thuốc Đông dược. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất thả nổi, được xác định và điều chỉnh theo các quy định trong hợp đồng. Lãi suất của kỳ đầu tiên là 12,5%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị thực hiện từ dự án.

Bảng 22: Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Nguyên liệu, vật liệu	24.245.918.876	28.786.096.317
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.265.032.050	7.278.015.374
Thành phẩm	5.201.584.861	6.075.104.455
Hàng hóa	4.521.096.164	1.378.129.992
Tổng cộng	39.233.631.951	43.517.346.138

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Nguyên nhân giá trị hàng tồn kho lớn, đặc biệt là nguyên vật liệu là do:

- Một số mặt hàng giá trị lớn mới nhập về tháng cuối năm trước để sản xuất đầu năm sau như: Clorocid, Tetracyclin. Hai nguyên liệu này nhập vào tháng cuối năm 2014 để tháng 01/2015 sản xuất.
- Công ty là doanh nghiệp sản xuất chủ yếu là các mặt hàng thuốc đông dược nên dược liệu thu mua về phải chế biến gói đầu. Có những dược liệu cả năm chỉ có một mùa duy nhất nên phải dự trữ từ trước. Vì vậy, Công ty phải thu mua và dự trữ dược liệu theo mùa vụ mới đủ nguyên liệu dùng.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá theo quy định.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,69	1,77
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,90	0,53
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,38	0,37
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,61	0,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,41	2,57
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,24	1,23
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,23	6,34
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,81	12,44
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,47	7,81
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,06	10,05

(Nguồn: DP3)

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng
Bảng 24: Danh sách HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu			Tỷ lệ %/ VĐL
			Cá nhân	Đại diện	Tổng cộng	
Hội đồng quản trị						
1	Bùi Xuân Hường	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	362.687	1.349.999	1.712.686	32,62%
2	Hoàng Duy Anh	Thành viên HĐQT	0	450.000	450.000	8,57%
3	Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	156.668	0	156.668	2,98%
4	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	153.614	78.382	213996	4,41%
5	Đình Văn Cường	Thành viên HĐQT	461.163		539.545	8,78%
Ban Kiểm soát						
6	Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	6.000	0	6.000	0,11%
7	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	3.676	0	3.676	0,07%
8	Nguyễn Thị Tần	Thành viên Ban Kiểm soát	15.000	0	15.000	0,29%
Ban Tổng Giám đốc						
1	Bùi Xuân Hường	Tổng Giám đốc	N như trên			
1	Ngô Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc	11.520	0	11.520	0,22%
Kế toán trưởng						
1	Nguyễn Thị Kim Thu	Kế toán trưởng	N như trên			
	Tổng cộng		1.170.328	1.878.381	3.048.709	58,07%

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng
12.1 Hội đồng quản trị
a. Ông Bùi Xuân Hường - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **BÙI XUÂN HƯỜNG**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 03/11/1960
Nơi sinh: Hải Tây, Hải Hậu, Nam Định
Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 236C Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

CMND số: 012899171 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 21/07/2006

Điện thoại liên hệ: 0913.201.672

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học; Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 - 1985	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Kỹ thuật viên
Từ năm 1986 - 1987	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Kỹ thuật viên phân xưởng thuốc viên
Từ năm 1987 - 1991	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Phó Quản đốc phân xưởng thuốc Viên – Mỡ
Từ năm 1992 - 1995	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Quản đốc phân xưởng thuốc Viên – Mỡ
Từ năm 1996 - 1998	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Phó phòng kinh doanh
Từ năm 1999 - 2003	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Phó phòng kinh doanh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Từ năm 2004 - 2005	Công ty CP dược phẩm TW FORIPHARM	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kinh doanh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội.
Từ năm 2006 - 2012	Công ty CP dược phẩm TW3	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
Từ năm 2012 đến nay	Công ty CP dược phẩm TW3	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 362.687 cổ phần, chiếm 6,91 % vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện (đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Dược Việt Nam): 1.349.999 cổ phần chiếm 25,71% vốn điều lệ của Công ty.
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị Minh Hương	Vợ	20.716	0,39%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Hội đồng quản trị là 3% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Ông Hoàng Duy Anh - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **HOÀNG DUY ANH**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 20/08/1968
Nơi sinh: Vĩnh Yên, Vĩnh Phú
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: TT Đoàn Vật lý 79 La Khê, Hà Đông, Hà Nội.
CMND số: 111403012 Nơi cấp : CA Hà Nội Ngày cấp: 25/10/2011
Điện thoại liên hệ: 0912482365
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1989 - 1990	Viện nghiên cứu chăn nuôi	Kế toán tổng hợp
Từ năm 1991 - 1998	Liên đoàn Vật lý địa chất	Kế toán tổng hợp
Từ năm 1999 - 2007	CN Công ty LD Gemartrans tại Hà Nội	Kế toán tổng hợp
Từ năm 2007 - 2011	Công ty CP Hàng Hải Hà Nội	Kế toán trưởng kiêm trưởng ban Tài chính – Kế toán
Từ năm 2011 - 2012	Công ty CP Hàng Hải Hà Nội	Trợ lý TGĐ kiêm giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi
	Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	Giám đốc
Từ 11/01/2013 - 08/04/2013	Công ty CP Hàng Hải Hà Nội	Phó Tổng giám đốc thường trực
Từ 08/04/2013 đến 22/07/2014	Công ty CP Hàng Hải Hà Nội	Tổng giám đốc
Từ 22/07/2014 đến nay	Công ty CP MHC (trước là Công ty CP Hàng Hải Hà Nội)	Tổng giám đốc

Từ 04/2014 đến nay	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3	Thành viên HĐQT
--------------------	-----------------------------------	-----------------

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện (đại diện sở hữu phần vốn của Công ty Cổ phần MHC): 450.000 cổ phần, chiếm 8,57% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Hội đồng quản trị là 3% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM THU**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/09/1961

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 42 tổ 4 Khu I Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

CMND số: 030332066 Nơi cấp: CA Hải Phòng Ngày cấp: 27/01/2006

Điện thoại liên hệ: 0983.250.961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1982 - 2005	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Nhân viên kế toán
Năm 2006	Công ty CP Dược phẩm TW3	Thành viên BKS, Phó phòng kế toán
Năm 2007	Công ty CP Dược phẩm TW3	Kế toán trưởng
Từ năm 2008 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TW3	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 156.668 cổ phần, chiếm 2,98 % vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Con gái	20.000	0,38%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Hội đồng quản trị là 3% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

d. Ông Nguyễn Hữu Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU DŨNG**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/10/1961

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 25 H1 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

CMND số: 011706718 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 13/03/2010

Điện thoại liên hệ: 0938.152.999

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Đại Bắc.

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 - 1987	Ban quân y Sư đoàn 355, Quân khu 2	Trợ lý Dược
Từ năm 1987 - 1994	Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội	Dược sĩ Khoa dược
Từ năm 1994 - 2000	Công ty Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nhân viên Kinh doanh
Từ năm 2000 đến nay	Công ty TNHH Đại Bắc	Giám đốc
Từ 04/2014 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TW3	Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 153.614 cổ phiếu, chiếm 2,93% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện (đại diện sở hữu phần vốn của Công ty TNHH Đại Bắc): 78.382 cổ phiếu, chiếm 1,49% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Hội đồng quản trị là 3% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

e. Ông Đinh Văn Cường - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **ĐINH VĂN CƯỜNG**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/05/1964

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 305 G2 Tổ 23 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.

CMND số: 034064000004 Nơi cấp : CA Hà Nội Ngày cấp: 13/11/2012

Điện thoại liên hệ: 0913.217.288

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học, Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Nghị.
- Thành viên Hội đồng sáng lập Công ty TNHH sản xuất Dược phẩm Medlac Pharma Italy, Phụ trách chuyên môn về Dược.

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1986 - 1993	Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam (VINAPHAR)	Chuyên viên nghiên cứu sản xuất kháng sinh
Từ năm 1991 - 1993	Vụ Quản lý Dược – Bộ Y tế	Chuyên viên chương trình sản xuất thuốc sốt rét Artemisinin
Từ năm 1996 - 1999	Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Nghị	Giám đốc Công ty
Từ năm 1999 - 2001	Công ty Dược liệu Trung ương 1 (Mediplantex)	Trợ lý giám đốc
Từ năm 2001 - 2005	Công ty TNHH Dược phẩm	Giám đốc Công ty

	Phương Đông	
Từ năm 2006 - 2007	Công ty Dược liệu trung ương 1 (Mediplantex)	Phó phòng thị trường Marketing, Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất và nhập khẩu
Từ năm 2007 – 9/2012	Công ty CP Dược phẩm TW3	Phó tổng giám đốc
Từ năm 2013 đến nay	Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Nghị	Chủ tịch Hội đồng thành viên
	Công ty TNHH sản xuất Dược phẩm Medlac Pharma Italy	Thành viên Hội đồng sáng lập
Từ 04/2014 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TW3	Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 461.163 cổ phiếu, chiếm 8,78% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Ban kiểm soát là 3% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.2 Ban Kiểm soát

a. Bà Trương Thị Nguyệt Hoa -Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **TRƯƠNG THỊ NGUYỆT HOA**
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 28/10/1975
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: Số 1 Dư Hàng, Phường Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng.
 CMND số: 030944468 Nơi cấp: CA Hải Phòng Ngày cấp: 19/03/2008
 Điện thoại liên hệ: 0912.546.107
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Lạc Việt.

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1997 - 1998	Công ty Đinh Vàng Liên Dinh	Kế toán phân xưởng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1999 - 2001	Công ty Thực phẩm và Nước giải khát A&B	Kế toán
Từ năm 2001 - 2004	Công ty TNHH Vĩnh Hoàng	Kế toán
Từ năm 2005 đến nay	Công ty Cổ phần Lạc Việt	Kế toán trưởng
Từ năm 04/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW3	Trưởng ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 6.000 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Phạm Văn Vượng	Chồng	3.765	0,072%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Ban kiểm soát là 1% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Bà Nguyễn Thị Hương Lan - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN**
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 09/01/1975
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: Số 212B Đường Phương Lưu, Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.
 CMND số: 090347295 Nơi cấp: CA Hải Phòng Ngày cấp: 06/01/2012
 Điện thoại liên hệ: 0988.572.583
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
 Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2002 - 2003	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Nhân viên Phòng kinh doanh

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 - 2004	Công ty CP Dược phẩm TW Foripharm	Nhân viên Phòng kế hoạch
Từ năm 2004 - 2013	Công ty CP Dược phẩm TW 3	Nhân viên Phòng kế hoạch
Từ 04/2014 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TW3	Thành viên Ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.676 cổ phiếu, chiếm 0,07% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Ban kiểm soát là 1% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Bà Nguyễn Thị Tần - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ TẦN**
 Giới tính: Nữ
 Ngày sinh: 29/01/1959
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: 27/29 Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng
 CMND số: 030864441 Nơi cấp: CA Hải Phòng Ngày cấp: 08/10/2008
 Điện thoại liên hệ: 0934.589.651
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1979 - 1980	Đoàn xây dựng ngân sách cấp huyện thuộc Bộ Tài chính tại tỉnh Sông Bé	Nhân viên
Từ năm 1981 - 1982	Ban Thanh tra Sở Tài chính Hải Phòng	Nhân viên
Từ năm 1982 - 2003	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Nhân viên Phòng kế toán
Từ năm 2003 - 2005	Công ty CP Dược phẩm TW Foripharm	Thành viên BKS, nhân viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Phòng kế toán
Từ năm 2005 - 2006	Công ty CP Dược phẩm TW3	Thành viên BKS, Phó phòng Tổ chức-Hành chính
Từ năm 2006 – 1/2014	Công ty CP Dược phẩm TW3	Trưởng BKS, Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính
Từ 04/2014 đến nay	Công ty CP Dược phẩm TW3	Thành viên BKS

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần, chiếm 0,29% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Theo Nghị quyết số 245/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3, thù lao trả cho Ban kiểm soát là 1% lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.3 Ban Giám đốc

a. Bùi Xuân Hưởng - Tổng Giám đốc: Như trên

b. Ngô Thị Hồng - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGÔ THỊ HỒNG**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/09/1960

Nơi sinh: Nam Hồng, Nam Trực, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Lô 32 An Chân, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

CMND số: 031747605 Nơi cấp: CA Hải Phòng Ngày cấp: 21/10/2008

Điện thoại liên hệ: 0914.273.242

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1985 - 1995	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Tổ trưởng Tổ sản xuất

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1996 - 1998	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Nhân viên phòng Kỹ thuật
Từ năm 1998 - 2002	Xí nghiệp dược phẩm TW3	Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển
Từ năm 2003 - 2005	Công ty CP dược phẩm TW FORIPHARM	Trưởng BKS, Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển
Năm 2006	Công ty CP dược phẩm TW3	Quản đốc Phân xưởng sản xuất
Từ năm 2007 - 2013	Công ty CP dược phẩm TW3	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc nhà máy thuốc Nam Sơn
Từ 2013 đến nay	Công ty CP dược phẩm TW3	Phó Tổng giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 11.520 cổ phiếu, chiếm 0,22% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu): Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.4 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Thu - Kế toán trưởng: Như trên

13. Tài sản

Bảng 25: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2013

Tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
Tài sản cố định hữu hình	54.368.342.952	16.718.282.605	37.650.060.347
Nhà cửa, vật kiến trúc	28.195.448.441	4.485.948.178	23.709.500.263
Máy móc thiết bị	20.871.507.139	9.814.245.466	11.057.261.673
Phương tiện vận tải	2.695.904.586	1.291.109.147	1.404.795.439
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.605.482.786	1.126.979.814	1.478.502.972
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
Tài sản cố định vô hình	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Bảng 26: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2014

Tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
Tài sản cố định hữu hình	108.551.131.654	21.710.094.029	86.841.037.625
Nhà cửa, vật kiến trúc	57.245.985.014	5.983.278.516	51.262.706.498
Máy móc thiết bị	43.457.546.177	12.585.929.758	30.871.616.419
Phương tiện vận tải	5.242.117.677	1.773.528.373	3.468.589.304
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.605.482.786	1.367.357.382	1.238.125.404
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
Tài sản cố định vô hình	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của DP3

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 đạt 108,55 tỷ đồng, tăng 99,6% so với thời điểm cuối năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2014, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư giai đoạn II xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc Đông dược đạt tiêu chuẩn GMP-WHO và các hạng mục phụ trợ tại Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng bao gồm:

- Kho dược liệu, kho tinh dầu chống cháy nổ
- Dây chuyền chế biến dược liệu;
- Dây chuyền chiết xuất, nấu cao dược liệu;

- Dây chuyền sản xuất thuốc Đông dược (viên bao đường, viên bao phim, viên nang cứng, thuốc cốm bột, thuốc nước, hoàn cứng, hoàn mềm, cao xoa).

Bảng 27: Chi tiết khoản mục xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
Chi phí mua máy hút ẩm	685.678.857	0
Công trình nhà Sản xuất thuốc đông dược	22.493.499.137	0
Công trình tại Đà Nẵng (*)	1.325.500.000	1.325.500.000
Tổng cộng	24.504.677.994	1.325.500.000

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 của DP3

(*) Đây là giá trị bất động sản mà Công ty mua tại Đà Nẵng để chuẩn bị cho việc xây dựng trụ sở chi nhánh của Công ty tại Đà Nẵng trong thời gian tới

Bảng 28: Tình hình đất đai thuộc quyền sở hữu, sử dụng tại ngày 31/12/2014

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu	Mục đích sử dụng
1	Nhà máy Nam Sơn Số 28 đường 351, Thôn Quỳnh Hoàng, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng	11.169	Thuê	Sản xuất thuốc
2	Số 16 Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	4038	Thuê	Kinh doanh dịch vụ

Nguồn: DP3

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2014
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	52.500	0%
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	200.000	8,52%
3	Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	84.500	8,42%
5	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	11.700	0,09%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	5,85%	-
7	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	97.000	-
8	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	12,06%	-
9	Cổ tức (% vốn điều lệ)	16,00%	-

Nguồn: Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 162B/HĐQT ngày 05/03/2015 của DP3

Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Kế hoạch của Công ty trong thời gian tới là tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm từ dược liệu, giữ vững thị phần các sản phẩm truyền thống. Đồng thời tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm thuốc không betalactam, từng bước chiếm lĩnh thị trường.

Chi tiết về kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty như sau:

Bảng 30: Căn cứ để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Chỉ tiêu	Năm 2015 (triệu đồng)
Doanh thu thuần	200.000
- Dầu cao xoa	8.500
- Thuốc nước	7.600
- Thuốc hoàn	21.000
- Thuốc cốm	4.000
- Thuốc viên	156.900
- Hàng Kinh doanh	2.000

Chỉ tiêu	Năm 2015 (triệu đồng)
Doanh thu hoạt động tài chính	50
Chi phí tài chính	4.500
Chi phí bán hàng	39.550
Chi phí quản lý	25.500
Lợi nhuận trước thuế	15.000
Chi phí thuế TNDN	3.300
Lợi nhuận sau thuế	11.700

Nguồn: DP3

Trong năm 2015, Công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận gộp lần lượt là 200 tỷ đồng và 84,5 tỷ đồng, tương ứng tăng 8,52% và 8,42% so với năm 2014. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ tăng nhẹ 0,09%, đạt 11,7 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí tài chính trong năm 2015 tăng 33,89% so với năm 2014. Bên cạnh đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lần lượt là 12,03% và 22,60% do công ty dự kiến sẽ đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo và tăng cường đội ngũ bán hàng.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2014, 2015 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

5.250.000 cổ phần

4. Tổng giá trị chứng khoán niêm yết

52.500.000.000 đồng

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết

Tổng số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tổ chức niêm yết là **1.698.710 cổ phần, chiếm 32,4% vốn điều lệ**, trong đó:

- **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật là: 1.698.710 cổ phần, chiếm 32,4% vốn điều lệ.**

Theo mục d khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

STT	Cổ đông	Chức vụ tại Công ty	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng (CP)
1	Bùi Xuân Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	362.687
2	Công ty Cổ phần MHC		450.000
	<i>Đại diện phân vốn: Ông Hoàng Duy Anh</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	
3	Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	156.668
4	Nguyễn Hữu Dũng		153.614
5	Công ty TNHH Đại Bắc		78.382
	<i>Đại diện phân vốn: Ông Nguyễn Hữu Dũng</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	
6	Đình Văn Cường	Thành viên HĐQT	461.163
7	Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng BKS	6.000

STT	Cổ đông	Chức vụ tại Công ty	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng (CP)
8	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	3.676
9	Nguyễn Thị Tần	Thành viên BKS	15.000
10	Ngô Thị Hồng	Phó Tổng giám đốc	11.520
	Tổng cộng		1.698.710

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của tổ chức niêm yết là: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

6. Phương pháp tính giá

6.1 Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu là một trong những căn cứ làm cơ sở cùng với các yếu tố khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2013: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.250.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2013 là 91.637.490.016 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{91.637.490.016}{5.250.000} = 17.455 \text{ đồng/cổ phần}$$

Tại thời điểm 31/12/2014: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.250.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2014 là 96.278.558.543 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{96.278.558.543}{5.250.000} = 18.339 \text{ đồng/cổ phần}$$

6.2 Phương pháp tính giá

6.2.1 Tính giá theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = EPS * P/E_{bqn}$$

Trong đó;

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E_{bqn}: được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong ngành sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.

6.2.2 Tính giá theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P = BV * P/B_{bqn}$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

P/Bbqñ: được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong ngành sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và có nhiều sự tương đồng nhất với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.

6.2.3 Tính giá theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P_0 = [D1/(1+r)^1] + [D2/(1+r)^2] + \dots + [(Dn/(1+r)^n)] + [Pn/(1+r)^n]$$

Trong đó:

P₀: Giá trị cổ phiếu thường;

D_t: Cổ tức mỗi cổ phiếu nhận được ở cuối năm n;

r: Lãi suất chiết khấu (Lãi suất đòi hỏi của nhà đầu tư) 15%/năm

n: Số năm nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư

D_n / (1+r)ⁿ: Là giá trị hiện tại của cổ tức nhận được cuối năm thứ n.

P_n: Giá bán cổ phiếu dự tính ở cuối năm n

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên và các phương pháp định giá phù hợp khác, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu đó để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

Hiện nay, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

8. Các loại thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3

Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (84-31) 3842 218 Fax: (84-31) 3823 125

Website : www.duocphamtw3.com



Tổ chức tư vấn niêm yết

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn



Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà số 165 Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6 2670491 Fax: (84-4) 6 2670494

Website : www.vae.com.vn



VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục 2: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết;
3. Phụ lục 3: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2014 ;

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN MB**

Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc

Trần Hải Hà

Bùi Xuân Hường

Trưởng Ban Kiểm soát

Trương Thị Nguyệt Hoa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Thu